

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4384/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 07 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Dự án xây dựng mô hình thí điểm
doanh nghiệp-hợp tác xã-nông dân tiêu thụ nông sản
và cung ứng vật tư nông nghiệp (áp dụng đối với sản phẩm ca cao)
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 06/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Phát triển thương mại nông thôn giai đoạn 2010-2015 và định hướng đến năm 2020”;

Căn cứ Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp;

Căn cứ Văn bản số 9500/VPCP-KTTH ngày 07 tháng 11 năm 2015 của Văn phòng Chính phủ về việc báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 23/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Văn bản số 12153/BCT-TTTN ngày 27/1/2015 của Bộ Công Thương về việc triển khai Quyết định số 23/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Văn bản số 5004/BCT-TTTN ngày 07/6/2017 của Bộ Công Thương về việc xây dựng Dự án mô hình thí điểm tiêu thụ nông sản và cung ứng vật tư nông nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 2014/QĐ-UBND ngày 13/6/2018 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề cương và dự toán kinh phí Dự án xây dựng mô hình thí điểm Doanh nghiệp – Hợp tác xã – Nông dân tiêu thụ nông sản và cung ứng vật tư nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai,

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương Đồng Nai tại Tờ trình số 4419/TTr-SCT ngày 20 tháng 11 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án xây dựng mô hình thí điểm doanh nghiệp - hợp tác xã - nông dân tiêu thụ nông sản và cung ứng vật tư nông nghiệp (áp dụng đối với sản phẩm ca cao) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai với những nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu của mô hình thí điểm:

a) Mục tiêu chung

Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã và thành viên hợp tác xã, nông dân tiêu thụ sản phẩm ca cao thông qua hợp đồng liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm ca cao. Thông qua hợp đồng tiêu thụ, bước đầu gắn trách nhiệm các doanh nghiệp kinh doanh, chế biến ca cao với thành viên hợp tác xã, nông dân. Đối với thành viên hợp tác xã, nông dân: An tâm sản xuất do sản phẩm được bao tiêu với giá cả hợp lý, có điều kiện tiếp nhận hỗ trợ về đầu tư, áp dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh tăng năng suất, chất lượng, tạo ra nguồn hàng chất lượng góp phần nâng cao thu nhập. Đối với doanh nghiệp: Chủ động trong xây dựng kế hoạch kinh doanh, mở rộng quy mô tiêu thụ, tăng cường năng lực cạnh tranh do có nguồn cung nguyên liệu ổn định, có chất lượng, giảm chi phí sản xuất, chi phí giao dịch. Đối với hợp tác xã: Làm ăn có hiệu quả, góp phần tích cực nâng cao đời sống người dân và làm giàu cho xã hội.

b) Mục tiêu cụ thể

- Tập hợp và thu hút các thành viên hợp tác xã, người trồng ca cao trong và ngoài tỉnh tham gia mô hình; tăng thu nhập tối đa cho người nông dân trồng ca cao trong vườn điều, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, gia tăng giá trị sản xuất trong vùng dự án.

- Hỗ trợ, trao đổi, học tập kinh nghiệm về kỹ thuật canh tác, tổ chức quản lý sản xuất đáp ứng yêu cầu thị trường; sơ chế, phân loại ca cao, công nghệ bảo quản sau thu hoạch.

- Hình thành, tạo liên kết lâu dài bền vững và nhân rộng mô hình liên kết doanh nghiệp - hợp tác xã - nông dân về tiêu thụ ca cao và cung ứng vật tư nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ thể tham gia mô hình thí điểm

a) Công ty TNHH Ca cao Trọng Đức;

b) Tập đoàn Con Cò Vàng;

c) Hợp tác xã ca cao Thống Nhất, Hợp tác xã ca cao Định Quán;

d) Hộ nông dân.

3. Thời gian triển khai thực hiện mô hình: Năm 2019, tổ chức sơ kết đánh giá tác động kinh tế, xã hội của việc thực hiện Dự án vào năm 2020.

4. Địa điểm triển khai:

a) Các xã thuộc Dự án Cánh đồng lớn trên địa bàn các huyện Thống Nhất, Định Quán, Tân Phú đã được phê duyệt tại Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 13/4/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai.

b) Các vùng trồng ca cao ngoài các Dự án cánh đồng lớn đã được phê duyệt.

5. Cơ chế hoạt động của mô hình:

a) Chuẩn bị ký kết hợp đồng:

- Hợp tác xã tổ chức họp lấy ý kiến thành viên, nông dân tham gia mô hình thí điểm và thỏa thuận thống nhất với thành viên hợp tác xã, nông dân về số lượng, chủng loại giống, phân bón, phẩm cấp, giá cả, thời gian cung ứng, phương thức thanh toán với doanh nghiệp cung ứng phân bón; thống nhất cách tính toán giá cả (theo giá sàn hay giá bình quân của thị trường tại thời điểm thu hoạch), phương thức thanh toán, phương thức giao, nhận ca cao, thời gian, địa điểm giao ca cao cho doanh nghiệp thu mua, dự kiến số lượng ca cao tiêu thụ.... (các nội dung trên phải được ghi vào biên bản cuộc họp) và đại diện cho thành viên hợp tác xã, nông dân ký kết hợp đồng với doanh nghiệp kinh doanh, chế biến ca cao.

- Doanh nghiệp ký kết hợp đồng với hợp tác xã.

Hợp đồng phải thể hiện ý chí của các bên trên tinh thần các bên cùng có lợi và cùng chia sẻ rủi ro. Trong hợp đồng cần nêu rõ các điều, khoản thỏa thuận (số lượng, quy cách, thời hạn giao hàng, phương thức giao hàng, cách tính toán giá cả, phương thức giao nhận hàng hóa...) và trách nhiệm của các bên khi vi phạm hợp đồng, thể hiện các cách xử lý cụ thể khi một bên vi phạm hợp đồng (hoà giải, khởi kiện....)

- Các thành viên hợp tác xã, nông dân đã ủy quyền cho hợp tác xã phải cam kết thực hiện hợp đồng mà hợp tác xã đã ký kết với doanh nghiệp, cung ứng sản phẩm cho doanh nghiệp theo đúng thời gian và quy cách, không bán sản phẩm cho đối tượng ngoài hợp đồng.

b) Trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Các bên thường xuyên theo dõi, đôn đốc về trách nhiệm của từng bên trong quá trình thực hiện hợp đồng, cụ thể:

- Hợp tác xã và thành viên hợp tác xã, nông dân phải liên hệ chặt chẽ với nhau để nắm thông tin về quá trình hoạt động sản xuất, tiến độ sản xuất theo kế hoạch, dự ước sản lượng thu hoạch vào thời điểm trước khi thu hoạch 10 - 15 ngày và báo cáo sơ bộ cho doanh nghiệp biết để doanh nghiệp chủ động kế hoạch kinh doanh. Trong vòng 3-5 ngày trước khi thu hoạch, hai bên (doanh nghiệp và hợp tác xã) xác định thông tin về sản lượng, chất lượng, kế hoạch thu hoạch và dự báo/ thống nhất giá cả.

- Doanh nghiệp cung ứng vật tư nông nghiệp phải cung ứng đầy đủ số lượng, chủng loại phân bón đã cam kết trong hợp đồng, mọi sự thay đổi, những khó khăn trong hoạt động cung ứng phân bón phải kịp thời thông báo cho hợp

tác xã để thống nhất điều chỉnh ngay, đảm bảo phân bón cung ứng cho nông dân kịp thời, đúng thời điểm. Doanh nghiệp thu mua buộc phải tiêu thụ hết lượng hàng của hợp tác xã với giá cả đã thống nhất (giá sàn/giá thỏa thuận), ngược lại, hợp tác xã phải giao hàng theo đúng số lượng, thời gian đã xác định, không được tự tiện bán hàng cho người khác.

- Trường hợp hai bên (hoặc một vài thành viên hợp tác xã) không thống nhất được giá, hai bên phải có sự thương lượng trên cơ sở chia sẻ rủi ro, hài hoà lợi ích. Trong những lúc khan hiếm hàng, một số doanh nghiệp/ thương lái khác tăng giá mua để đủ lượng cho lô hàng của mình, hợp tác xã, thành viên hợp tác xã, nông dân cần hết sức cảnh giác với kiểu kinh doanh “dễ làm khó bỏ”, những trường hợp kinh doanh kiểu “chụp giựt”, cạnh tranh không lành mạnh, chỉ mua một vài lô hàng rồi sau đó bỏ ngang... gây ảnh hưởng đến hợp đồng liên kết đã được ký kết.

c) Thanh lý hợp đồng.

- Sau khi kết thúc phải tiến hành thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật về hợp đồng kinh tế.

- Bản thanh lý hợp đồng phải thể hiện nội dung: Xác nhận việc thực hiện các điều, khoản đã ký kết, những tồn tại cần tiếp tục giải quyết; nếu các bên có vi phạm hợp đồng thì nêu cụ thể đối tượng vi phạm, hướng giải quyết, việc chấp hành biên bản hòa giải, quyết định của tòa án...

7. Giải pháp thực hiện Dự án mô hình thí điểm

a) Nhóm giải pháp về quy hoạch phát triển sản xuất ca cao và định hướng phát triển thương mại trên địa bàn tỉnh.

- Về quy hoạch phát triển sản xuất ca cao

Quy hoạch vùng sản xuất ca cao với diện tích 2.070 ha, tại các địa phương: Huyện Thống Nhất 200 ha (các xã Hưng Lộc, Bàu Hàm 2, Quang Trung, Gia Tân 1); huyện Định Quán 330 ha (các xã Thanh Sơn, La Ngà, Túc Trưng, Phú Túc, Gia Canh, Phú Lợi, Phú Hòa, thị trấn Định Quán); huyện Tân Phú 300 ha (các xã Phú Thịnh, Tà Lài, Nam Cát Tiên, Thanh Sơn, Phú Sơn, Phú An); huyện Trảng Bom 1.000 ha (xã An Viễn); thị xã Long Khánh 200 ha (các xã Bảo Quang, Bảo Lộc, Hàng Gòn). Với các địa phương còn lại là Vĩnh Cửu, Xuân Lộc dự kiến đến năm 2020 định hướng đến năm 2030 diện tích trồng ca cao có thể đạt khoảng 40 ha, trong đó: Xuân Lộc: 36 ha; Vĩnh Cửu: 4 ha.

- Về định hướng phát triển thương mại trên địa bàn tỉnh

Đối với nông sản nói chung, ca cao nói riêng:

+ Tại những vùng sản xuất nông sản hàng hóa tập trung, hình thành các kênh tiêu thụ cấp độ lớn với sự tham gia của các doanh nghiệp nông cốt (doanh nghiệp thương mại có vốn nhà nước); doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thương mại, hộ kinh doanh, hệ thống đại lý, chợ đầu mối nông sản cấp tỉnh.

+ Tại những vùng sản xuất nông sản hàng hóa chưa phát triển, phân tán, tạo lập kênh lưu thông ở cấp độ vừa và nhỏ, phù hợp cung cầu thị trường; với sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã thương mại, hộ kinh doanh... Hàng nông sản được tiêu thụ chủ yếu thông qua mạng lưới chợ, cửa hàng tiện lợi, cửa hàng chuyên doanh tại các thị trấn, thị tứ; chợ dân sinh và cửa hàng tạp hóa ở địa bàn xã.

+ Tại các vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, trong đó có cây ca cao, xây dựng mối liên kết kinh tế bền vững giữa hộ nông dân, hợp tác xã nông nghiệp - thương mại - dịch vụ với doanh nghiệp sản xuất, chế biến, vừa đảm bảo đầu ra ổn định cho nông dân, vừa đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định, chất lượng cho hoạt động sản xuất, chế biến của doanh nghiệp.

b) Nhóm giải pháp xây dựng các hình thức hợp tác, liên doanh liên kết

- Nâng cao vai trò của kinh tế hợp tác. Cùng cố, thành lập mới tổ hợp tác, hợp tác xã tại các vùng sản xuất ca cao tập trung (ngoài vùng dự án cánh đồng lớn đã được duyệt). Song song với công tác củng cố, thành lập mới cần tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về hợp tác xã, nâng cao nhận thức và tư duy về phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã cho cán bộ chính quyền các cấp trên cơ sở đó nâng cao vai trò, trách nhiệm của các ngành, của địa phương trong nhiệm vụ phát triển kinh tế hợp tác.

- Xây dựng, tổng kết, nhân rộng các mô hình tổ hợp tác, hợp tác xã ca cao hoạt động hiệu quả từ các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị đã triển khai, các điển hình tiên tiến gắn với các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn... để nông dân nhận thức được lợi ích, hiệu quả của kinh tế hợp tác mà tự nguyện, tự giác tham gia.

- Xây dựng các kế hoạch để đào tạo các thành phần trong chuỗi sản xuất ca cao, trong đó có nông dân, các tổ hợp tác, hợp tác xã kiến thức và kỹ năng về sản xuất và quản lý sản xuất ca cao, về công nghệ thu hoạch, chế biến, về thu nhận, phân tích thông tin thị trường để có giải pháp, định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh đối với ngành hàng này.

- Các doanh nghiệp kinh doanh, chế biến ca cao phải am hiểu và có khả năng tư vấn cho người sản xuất (nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã) về quy trình sản xuất, nhu cầu sản lượng, yêu cầu chất lượng sản phẩm, có khả năng tập huấn cho người sản xuất, tập hợp họ để họ trở thành thành viên trong thành phần sản xuất của công ty mình, từ đó sẽ hình thành được vùng nguyên liệu ổn định và tin cậy của doanh nghiệp. Gắn kết chặt chẽ với các hợp tác xã để triển khai có hiệu quả các hoạt động của chuỗi.

- Từng chủ thể tham gia chuỗi liên kết phải xác định rõ trách nhiệm của mình trong dự án, phải tuân thủ nghiêm các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng liên kết, cùng chia sẻ các rủi ro phát sinh, không tự ý phá vỡ hợp đồng gây tổn thất không đáng có.



- Các ngành chức năng, các cơ quan liên quan trong phạm vi chức năng của mình tích cực hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể trong quá trình triển khai dự án như thành lập mới hợp tác xã, đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ hợp tác xã, cán bộ quản lý doanh nghiệp, giải ngân kinh phí hỗ trợ, vay vốn sản xuất, đầu tư cơ sở hạ tầng, xúc tiến thương mại, công tác khuyến nông....

c) Nhóm giải pháp về chính sách khuyến khích, hỗ trợ đối với chủ thể tham gia mô hình thí điểm

- Thông tin đầy đủ, kịp thời các chính sách hỗ trợ của trung ương, của tỉnh đến doanh nghiệp để doanh nghiệp có định hướng trong việc đầu tư đổi mới, cải tiến công nghệ, thiết bị chế biến gắn với việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quản lý chất lượng sản phẩm, đáp ứng được yêu cầu của thị trường nước ngoài cho doanh nghiệp trực tiếp chế biến sản phẩm từ ca cao để xuất khẩu. Nghiên cứu nâng cao chất lượng giống cây ca cao nhằm tăng năng suất, nâng cao chất lượng trái cao, giảm sâu bệnh từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh đối với ngành hàng này.

- Tạo điều kiện để các doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân tham gia mô hình thí điểm được tiếp cận và thụ hưởng kịp thời các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của trung ương và của tỉnh về đầu tư, về tổ chức sản xuất, bảo quản, thu hoạch, về xúc tiến thương mại, về xây dựng, quảng bá thương hiệu, về tín dụng và bảo lãnh tín dụng phục vụ sản xuất, chế biến, thu mua, tiêu thụ...

- Khen thưởng, động viên kịp thời các chủ thể đã nghiêm túc, tích cực trong quá trình triển khai mô hình và có đúc kết, rút kinh nghiệm đồng thời tổ chức báo cáo điển hình cho các mô hình khác trên địa bàn sau khi mô hình được nhân rộng.

d) Nhóm giải pháp về xúc tiến thương mại

- Ngân sách tỉnh và các địa phương tiếp tục hỗ trợ kinh phí để các chủ thể tham gia mô hình được tham gia các buổi hội thảo, hội nghị chuyên đề về ca cao để trao đổi, cập nhật thông tin về hoạt động sản xuất chế biến ca cao trong tỉnh, trong nước, thế giới...từ đó có định hướng cho hoạt động trồng, sản xuất, chế biến ca cao; tham gia các hội chợ, triển lãm trong tỉnh, trong vùng và thành phố Hồ Chí Minh nhằm giới thiệu sản phẩm và tìm kiếm thêm các nhà đầu tư, nhà tiêu thụ.

- Tăng cường hoạt động của hệ thống thông tin nông nghiệp để cung cấp các thông tin về thị trường ca cao thế giới (ca cao nguyên liệu, sản phẩm từ ca cao), công nghệ sản xuất...cùng các dự báo đáng tin cậy để doanh nghiệp tra cứu, tham khảo...

đ) Nhóm giải pháp về bồi dưỡng, đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của hợp tác xã, tổ hợp tác, nhóm liên kết... tham gia mô hình thí điểm.

- Triển khai công tác tổ chức khảo sát, điều tra thực trạng trình độ đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật và lao động tại các hợp tác xã tham gia mô hình thí điểm qua đó phân tích, đánh giá và có kế hoạch cụ thể về đào tạo, bồi dưỡng

nguồn nhân lực phục vụ hoạt động phát triển sản xuất cao-xuất khẩu sản phẩm từ cao cao trong thời gian tới.

- Mở các lớp bồi dưỡng cho các cán bộ kỹ thuật chuyên trách của hợp tác xã về kỹ thuật canh tác, quy trình sản xuất cao cao an toàn, các lớp tập huấn về sử dụng an toàn, đúng và có hiệu quả các loại thuốc bảo vệ thực vật, quản lý dịch hại tổng hợp; quy trình sơ chế và bảo quản cao cao an toàn; các kiến thức về quan hệ giao kết hợp đồng, tiếp nhận và xử lý thông tin về thị trường, giá cả, cung cầu,...

e) Các giải pháp khác

- Chính quyền các cấp cần thực sự quan tâm đúng mức đối với công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể; nâng cao tính chủ động, sáng tạo của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành trong công tác tham mưu cho lãnh đạo triển khai đầy đủ các nhiệm vụ quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, song song với việc thường xuyên nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Xây dựng và công khai bộ thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động cấp phát, quyết toán kinh phí thuộc Dự án để các chủ thể tham gia Dự án sớm được giải ngân, giải quyết một phần khó khăn về vốn thực hiện Dự án.

- Hướng dẫn, hỗ trợ chủ Dự án xây dựng, quảng bá thương hiệu cao cao thông qua việc tổ chức các hội nghị, tổ chức đoàn ra, tiếp đón đoàn vào làm việc với tỉnh. Về phía chủ Dự án phải không ngừng nghiên cứu cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm chế biến từ cao cao, tạo sự khác biệt, riêng có của cao cao Việt Nam để có thể tiếp cận và thu hút được sự quan tâm của nhiều đối tượng tiêu dùng trên thế giới.

Điều 2: Tổ chức thực hiện Dự án:

1. Giao Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đồng chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Dự án, trong đó Sở Công Thương là đầu mối chính chịu trách nhiệm phối hợp với các sở, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Dự án mô hình thí điểm trong năm 2019, tổ chức sơ kết đánh giá tác động kinh tế, xã hội của việc thực hiện Dự án, tổng hợp báo cáo đánh giá tình hình và kết quả triển khai thực hiện về UBND tỉnh;

2. Căn cứ vào nội dung chính của Dự án, các địa phương, các sở, ngành liên quan theo nhiệm vụ được phân công nêu tại Dự án, có trách nhiệm tổ chức thực hiện và phối hợp, hỗ trợ Sở Công Thương, các chủ thể tham gia Dự án triển khai thành công mô hình thí điểm làm cơ sở cho việc nhân rộng mô hình trong thời gian tới.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, Chủ tịch Hội Nông dân, Chủ tịch Liên

minh hợp tác xã, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, các đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Công Thương;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP.UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, CNN, KT.

(Khoa. Cnn/781.Qddeantieuthunongsan)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]

Võ Văn Chánh



DỰ ÁN

XÂY DỰNG MÔ HÌNH THÍ ĐIỂM DOANH NGHIỆP - HỢP TÁC XÃ - NÔNG DÂN TIÊU THỤ CA CAO VÀ CUNG ỨNG VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4384/QĐ-UBND ngày 07/12/2018
của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)*

TÓM TẮT DỰ ÁN

- Tên Dự án : Dự án xây dựng mô hình thí điểm Doanh nghiệp – Hợp tác xã -
Nông dân tiêu thụ nông sản và cung ứng vật tư nông nghiệp (áp dụng đối với sản phẩm ca cao) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai – sau đây gọi tắt là Dự án

- Cơ quan quản lý dự án : UBND tỉnh Đồng Nai

- Cơ quan chủ trì : Sở Công Thương Đồng Nai

- Cơ quan phối hợp : Sở Nông nghiệp & phát triển nông thôn, Hội nông dân tỉnh Đồng Nai, Liên minh Hợp tác xã tỉnh Đồng Nai.

- Các chủ thể trong mô hình thí điểm : Doanh nghiệp tiêu thụ ca cao, doanh nghiệp cung ứng vật tư nông nghiệp - hợp tác xã - nông dân.

2. Mục tiêu của dự án: Xây dựng mô hình thí điểm tiêu thụ sản phẩm ca cao thông qua doanh nghiệp.

3. Phạm vi thực hiện:

- Mô hình thí điểm tại vùng trồng ca cao tập trung của tỉnh.

- Phạm vi thực hiện : trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

4. Thời gian thực hiện: năm 2018-2020

5. Sản phẩm của dự án :

- Báo cáo tổng hợp và thuyết minh của dự án;

- Mô hình thí điểm: Tiêu thụ trái ca cao thông qua liên kết doanh nghiệp - hợp tác xã - nông dân.

6. Đối tượng hưởng lợi dự án :

- Doanh nghiệp kinh doanh ca cao (thu mua, sản xuất chế biến, tiêu thụ)

- Doanh nghiệp cung ứng vật tư nông nghiệp.

- Hợp tác xã, thành viên hợp tác xã, nông dân.

7. Kinh phí thực hiện dự án :

- Tổng kinh phí lập dự án: 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng)

- Nguồn vốn thực hiện: vốn ngân sách tỉnh Đồng Nai hỗ trợ, trong đó kinh phí xây dựng Dự án 311.215.000 đồng; kinh phí triển khai thực hiện Dự án 188.785.000 đồng.

PHẦN I

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TIÊU THỤ CA CAO VÀ CUNG ỨNG VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP THÔNG QUA HỢP TÁC XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2012-2017

I. Tình hình sản xuất, tiêu thụ nông sản

1. Khái quát thực trạng tiêu thụ nông sản và cung ứng vật tư nông nghiệp thông qua hợp tác xã tại những vùng sản xuất nông nghiệp tập trung trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

1.1. Khái quát tình hình sản xuất nông nghiệp:

Tính đến năm 2017, diện tích đất sản xuất nông nghiệp toàn tỉnh 277.284,62ha, (giảm 274,69 ha so với năm 2012; chiếm 59% diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh), tổng diện tích cây hàng năm 66.506,82ha (giảm 7.005,93 ha), diện tích đất trồng cây lâu năm 210.777,8 ha (giảm 6.731,24 ha). Trong 5 năm qua mặc dù chịu ảnh hưởng nhiều của biến đổi khí hậu, diện tích sản xuất nông nghiệp bị thu hẹp nhưng với việc tổ chức sản xuất hợp lý, tiến bộ khoa học kỹ thuật được chú trọng đầu tư nên giá trị sản xuất trồng trọt vẫn đạt mức tăng trưởng khá, tăng bình quân 1,74%/năm so với năm 2012, cơ cấu tỷ trọng chiếm 41,19% so với tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp.

Với mục tiêu đặt ra, thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đã cơ bản đạt các yêu cầu, chất lượng sản phẩm phù hợp yêu cầu thị trường, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, sản phẩm đa dạng, từng bước nâng tỷ lệ hàm lượng công nghệ cao, khối lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm được nâng lên. Quy hoạch sản xuất nông nghiệp cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đã được phê duyệt; các loại cây trồng thế mạnh của tỉnh, địa phương đã được sắp xếp và hình thành rõ các vùng chuyên canh, vùng sản xuất tập trung đối với một số sản phẩm có cơ hội xuất khẩu, có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng địa phương như: Xoài ở Vĩnh Cửu, Định Quán, Xuân Lộc; cà phê ở Định Quán, Tân Phú, Cẩm Mỹ; Tiêu ở Định Quán, Tân Phú, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ; cây điều ở Trảng Bom, Xuân Lộc; Sầu riêng ở Cẩm Mỹ, Long Khánh, Tân Phú; Chôm chôm ở Long Khánh; Ca cao ở Long Khánh, Thống Nhất, Định Quán, Tân Phú; Bưởi ở Vĩnh Cửu, Tân Phú... Cây trồng được chuyển dịch theo hướng gia tăng diện tích cây có giá trị thu nhập cao, theo mùa vụ phù hợp với điều kiện tưới trên từng địa bàn.

Trong thời gian qua, công tác chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất đã được quan tâm thực hiện: Trên địa bàn tỉnh hiện có gần 80% diện tích đất sản xuất nông nghiệp có ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật: công nghệ tưới nước tiết kiệm, bón phân qua đường ống (được hơn 44.000ha cây trồng lâu

năm); sản xuất hữu cơ, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP (350 ha); 176,8 ha diện tích ca cao được chứng nhận UTZ; 282 ha cà phê được chứng nhận 4C; 100% diện tích trồng mới và tái canh đã sử dụng các giống mới, giống có chất lượng cao; 13 đơn vị được cấp nhãn hiệu hàng hóa đối với các sản phẩm như: xoài, rau, sầu riêng, chuối, tiêu, điều, gạo, măng cầu na; bưởi Tân Triều và chôm chôm Long Khánh đã được xây dựng chỉ dẫn địa lý; có khoảng 50 -70% diện tích cây trồng tùy loại ứng dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM)

1.2. Các hình thức tiêu thụ nông sản và cung ứng vật tư nông nghiệp trên địa bàn tỉnh:

Đồng Nai hiện có các hình thức tiêu thụ sản phẩm nông sản như sau:

(1) Hình thức thông dụng và phổ biến nhất là các thương lái đến mua tại nhà, ruộng, vườn (chiếm khoảng 90%). Ưu điểm của hình thức này là người sản xuất không mất chi phí và thời gian cho việc tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm. Nhược điểm chính là người sản xuất không chủ động được số lượng, thời điểm, đặc biệt là giá cả; thương thảo diễn ra trong lúc người sản xuất bị động nên khó đảm bảo tính bình đẳng trong thương thảo. Tồn tại quan trọng nữa là thương lái thu mua của nhiều hộ nông dân, không có hợp đồng ứng trước, không theo dõi quy trình sản xuất; nên rất khó đảm bảo tính đồng đều của sản phẩm; hơn nữa, để đến tay người tiêu dùng (hoặc chế biến) sản phẩm qua nhiều đoạn, rất dễ xảy ra tình trạng ép giá và gian lận thương mại.

(2) Hình thức tiêu thụ sản phẩm thông qua hợp đồng được ký kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã với các hộ dân hoặc giữa doanh nghiệp với hợp tác xã (chiếm khoảng 10%): Ưu điểm của hình thức này là các hộ dân được tập huấn và sản xuất theo quy trình đồng nhất do đối tác thu mua đặt ra, do đó giảm được chi phí đầu tư, lợi nhuận người sản xuất được nâng lên, giá cả ổn định, được bên mua đảm bảo bao tiêu sản phẩm. Đối với các hộ dân khi tham gia dự án liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ vật tư đầu vào (*giống để thực hiện việc cải tạo, tái canh và trồng mới, dịch vụ bảo vệ thực vật, hệ thống tưới tiết kiệm, đào tạo nghề, sản xuất an toàn thực phẩm, tín dụng trong sản xuất nông nghiệp, tập huấn kỹ thuật,...*); bên mua có sản lượng sản phẩm lớn, chất lượng đồng đều, đầu vào ổn định nên thuận lợi trong hoạt động chế biến hay liên kết với các đơn vị khác trong vấn đề tiêu thụ sản phẩm. Đây là hình thức liên kết được nhà nước quan tâm, khuyến khích thực hiện.

(3). Hình thức tập trung ở chợ đầu mối: Sản phẩm được các thương lái thu gom, hợp tác xã tiêu thụ hoặc người trực tiếp sản xuất vận chuyển tập trung tại chợ đầu mối; từ đây, sản phẩm được phân phối cho người bán lẻ, cơ sở chế biến... Ưu điểm của hình thức này là người bán và người mua không bị ảnh hưởng bởi số lượng giao dịch (do quy mô thị trường lớn), chợ đầu mối giữ vai trò điều tiết giá thị trường. Nhược điểm lớn nhất của hình thức này: sản phẩm tươi không được bảo quản tốt, thời gian từ khi thu hoạch đến tay người tiêu dùng (hoặc chế biến) khá dài nên chất lượng giảm đáng kể.

(4). Đối với một số mô hình như trồng rau ăn quả, trồng rau, cây ngắn ngày khác, ...(quy mô nhỏ), các nông hộ thường đem ra chợ để bán; ưu điểm của hình thức này là người sản xuất chủ động quy mô về sản lượng, sản phẩm đến tay người tiêu dùng nhanh nên bảo đảm độ tươi sống; tuy nhiên, do sản xuất nhỏ lẻ nên khó kiểm soát được mức độ an toàn vệ sinh thực phẩm, chi phí tiêu thụ sản phẩm cao, thu nhập của người sản xuất bấp bênh.

Đồng Nai hiện có 4 hình thức tiêu thụ sản phẩm; mỗi hình thức đều có những ưu, nhược điểm riêng của nó. Tuy nhiên, phần lớn sản phẩm từ khi được thu hoạch đến tay người tiêu dùng trải qua nhiều khâu trung gian. Giữa các khâu hầu như không có mối liên hệ chặt chẽ. Hậu quả là người sản xuất và người tiêu dùng luôn chịu thiệt thòi, nhà chế biến và nhà xuất khẩu luôn trong tình trạng bị động, chi phí lưu thông gia tăng, chất lượng sản phẩm giảm nhanh, khó có cơ hội để có thể truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Do đó để khắc phục tình trạng này là khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân tăng cường liên doanh liên kết trong vấn đề sản xuất đến tiêu thụ và chế biến sản phẩm.

1.3- Tình hình cung ứng dịch vụ đầu vào:

Qua khảo sát hơn 500 hộ nông dân trong quá trình xây dựng Dự án, chi phí vật tư nông nghiệp chiếm từ 30 - 60% giá trị sản xuất nông nghiệp, tùy theo từng loại cây trồng. Gần như hầu hết số nông dân được khảo sát hiện đang mua vật tư nông nghiệp thông qua hệ thống các đại lý của thương nhân sản xuất, chế biến chủng loại hàng hóa này với số lượng 523 hộ, chiếm 95%, còn lại mua của hợp tác xã: 15 hộ, mua của doanh nghiệp: 3 hộ.

Về phương thức thanh toán chủ yếu theo thỏa thuận giữa hộ nông dân và các đại lý cung ứng vật tư nông nghiệp, phương thức thanh toán bù trừ sau khi nông dân giao sản phẩm cho doanh nghiệp/hợp tác xã chiếm tỷ lệ không đáng kể, khoảng 2%. Đa số các hộ (81%) đều cho rằng việc các hộ tự mua và tự thỏa thuận phương thức thanh toán với các đại lý sẽ hiệu quả hơn, tạo sự chủ động nhiều hơn cho các hộ trong quá trình tổ chức sản xuất, đồng thời, nguyên nhân các hộ không mua vật tư nông nghiệp của các doanh nghiệp, hợp tác xã, sau đó thanh toán bằng phương thức bán lại sản phẩm hoặc thanh toán ngay là do: thứ nhất là giá cả vật tư nông nghiệp từ nguồn cung ứng này kém cạnh tranh, kém linh hoạt hơn so với các đại lý (333 hộ); thứ hai là vật tư giao không kịp thời (230), ngoài ra việc một số doanh nghiệp, hợp tác xã không cho nợ tiền mua vật tư nông nghiệp cũng khiến cho các hộ không muốn tham gia vào chuỗi cung ứng này.

Nhìn chung, dịch vụ nông nghiệp ở Đồng Nai phát triển chưa tương xứng với tiềm năng lợi thế của tỉnh, mặc dù giai đoạn 2012-2017 tốc độ tăng trưởng bình quân 5,6%/năm; nhưng giá trị sản xuất năm 2017 mới chỉ đạt 945,3 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 2,7% so với tổng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp. Đến cuối năm 2017, trên địa bàn tỉnh có 984 cơ sở sản xuất và kinh doanh vật tư nông nghiệp. Trong đó, lĩnh vực phân bón có 436 cơ sở, chiếm 44%; lĩnh vực thuốc bảo vệ thực vật có 387 cơ sở, chiếm 40%; lĩnh vực sản xuất kinh doanh giống cây trồng 161 cơ sở, chiếm 16%. Phần lớn cơ sở có quy mô nhỏ, phân bố rải

trải trên các khu vực sản xuất nông nghiệp của các địa phương, đáp ứng tương đối đầy đủ nhu cầu của người sản xuất.

Trong đó, đối với diện tích ca cao tham gia chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm theo cánh đồng lớn, các chủ dự án đã chủ động liên kết với các doanh nghiệp để cung ứng giống, phân bón cho các hộ dân tham gia, cụ thể:

- + Công ty Cổ phần Bamboo Capital đã ký hợp đồng với Công ty phân bón Sông Gianh nhằm cung ứng các loại phân bón phục vụ cho nông dân. Đồng thời, hợp đồng với Trung tâm Khuyến nông tỉnh Bình Phước để cung ứng giống ca cao cho nông dân trồng mới;

- + Công ty TNHH Ca cao Trọng Đức đã ký kết hợp đồng với Tập đoàn phân bón Con Cò Vàng để cung ứng phân bón cho bà con nông dân tham gia liên kết theo hình thức vay trả chậm cho nông dân, tuy nhiên tỷ lệ chiếm khoảng 70% hộ dân tham gia dự án. Một số hộ dân còn lại mua phân bón qua các đại lý trên địa bàn do thỏa thuận được phương thức trả chậm tốt hơn. Để đảm bảo cung ứng nguồn giống ổn định cho các hộ dân tham gia liên kết, đến nay công ty Trọng Đức phát triển sản xuất giống mới với diện tích 1,4 ha, sản lượng sản xuất ước đạt 300.000 cây/năm;

- + Công ty TNHH Đầu tư phát triển nông nghiệp Nguyên Lộc trực tiếp sản xuất và cung ứng giống cho các hộ dân tham gia dự án, các hộ dân tham gia dự án này chủ động mua phân bón thông qua các đại lý trên địa bàn;

- + Một số lượng ít hộ dân trồng ca cao phân tán, nhỏ lẻ tại các địa phương sử dụng giống phân bón từ các cơ sở bên ngoài

Nhìn chung dịch vụ nông nghiệp ở Đồng Nai mới chỉ dừng lại ở các dịch vụ buôn bán vật tư nông nghiệp; các loại hình dịch vụ khác như làm đất, tưới nước, thu hoạch, vận chuyển vật tư sản phẩm, cơ giới hóa... Các loại hình dịch vụ mới, hiệu quả như: dịch vụ tài chính, tư vấn kỹ thuật, tư vấn lập dự án, phương án sản xuất kinh doanh, thị trường đầu ra... chưa được phổ biến rộng rãi. Lực lượng lao động tham gia các hoạt động dịch vụ nông nghiệp trên địa bàn tỉnh còn rất mỏng và chưa hội đủ các điều kiện như trình độ chuyên môn sâu rộng, nguồn thông tin đa dạng, đa chiều, được cập nhật thường xuyên, vốn đầu tư, phương tiện hoạt động và đặc biệt là cơ chế hoạt động

2. Tình hình sản xuất ca cao trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Ca cao là cây thường xanh tầng trung, cao 4–8 m, ưa bóng rợp, có khả năng chịu bóng tốt nên thường được trồng xen dưới tán cây khác như trong các vườn dừa, cao su, vườn rừng... có sẵn để tăng hiệu quả sử dụng đất.

Ca cao cho hạt làm nguyên liệu sử dụng trong ngành công nghiệp thực phẩm, có thể kể đến một số sản phẩm có giá trị kinh tế cao như sô cô la, bột ca cao,... Cây có ưu điểm 1 năm thu 2 vụ, nhu cầu nước không lớn, ít phải tưới; không kén đất nhưng cũng không chịu được các vùng quá khô hạn như đất cát hoàn toàn. Hạt ca cao sử dụng làm nguyên liệu chế biến ra các sản phẩm cao cấp như sô cô la. Ca cao còn là đồ uống thông dụng vì có chất kích thích nhưng lượng caffein thấp hơn cà phê rất nhiều. Vỏ trái sau khi lấy hạt có thể phơi khô và xay làm thức ăn cho gia súc.

Cây không cạnh tranh về đất nhiều vì có thể trồng xen trong các vườn cây có sẵn giúp tăng hiệu quả sử dụng đất. Ở Việt Nam, ca cao được du nhập vào rất sớm, theo chân các nhà truyền giáo phương Tây. Hiện tại, cây được trồng rộng rãi ở nhiều nơi, vùng Tây Nguyên vẫn được đánh giá là có điều kiện lý tưởng nhất cho phát triển cây ca cao. Tuy nhiên, hiện tại ở Việt Nam, cây ca cao chưa phát triển rộng rãi do thu hoạch không tập trung, kỹ thuật xử lý sau thu hoạch cũng phức tạp, phải ủ lên men... nên người dân ngại trồng. Tại Đồng Nai, tình hình sản xuất ca cao trên địa bàn tỉnh như sau:

2.1- Diện tích, năng suất, sản lượng ca cao

Theo thống kê của Cục Trồng trọt, hiện cả nước có gần 11.700 ha ca cao, tập trung tại các tỉnh Tây Nguyên, vùng Đông Nam Bộ và một số tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), nhiều nhất là ở Bến Tre và Đắk Lắk, trong đó, 70% diện tích đang cho thu hoạch. Sau 10 năm phát triển, năng suất, sản lượng ca cao cả nước được nâng lên đáng kể, bình quân đạt 8 tạ khô /ha; sản lượng từ 30 tấn năm 2005 lên gần 6.600 tấn năm 2017. Đặc biệt chất lượng hạt của Việt Nam được các đối tác trong và ngoài nước đánh giá cao. Năm 2017, cả nước có 587.80 ha, 592 hộ thuộc 13 đơn vị đã sản xuất được 805.86 tấn hạt được chứng nhận UTZ.

Từ thập niên 80, cây ca cao đã được trồng trên đất Đồng Nai, tập trung tại huyện Tân Phú. Cây sinh trưởng phát triển tốt, nhưng do khô hạn biến và tiêu thụ khó khăn do đó hiệu quả kinh tế mang lại từ ca cao thấp nên diện tích không được mở rộng. Tính đến cuối năm 2017, tổng diện tích ca cao hiện có trên toàn tỉnh 439,9 ha, chủ yếu là trồng xen với các loại cây trồng như: điều, cà phê, cây ăn quả...(trong đó hơn 80% diện tích cây ca cao được trồng xen điều), phân bố chủ yếu tại các huyện: Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Thống Nhất, Trảng Bom, Long Khánh. Năng suất trung bình đạt 16-18 tấn quả tươi/ha, trong đó có những hộ áp dụng đồng bộ khoa học kỹ thuật trong khâu trồng và chăm sóc cho năng suất đạt từ 25-26 tấn/ha. Sản lượng ước đạt 8.820 tấn quả tươi/năm.

So với năm 2012, diện tích ca cao có chiều hướng giảm mạnh tại tất cả các địa phương trồng ca cao của tỉnh (năm 2017 giảm 698,9 ha so với năm 2012), trong đó diện tích giảm nhiều ở huyện Tân Phú, huyện Định Quán, do một số nguyên nhân chính:

- Số lượng lớn diện tích được trồng xen dưới tán cây lâm nghiệp nên cho năng suất không cao, đồng thời yêu cầu phải giảm diện tích để đảm bảo công tác quản lý bảo vệ rừng;
- Do công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng, giá cả bấp bênh nên người dân phá bỏ diện tích điều, cà phê già cỗi để chuyển sang một số loại cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao hơn;
- Quan niệm một số người trồng cho rằng ca cao là cây phụ thu do đó ít được quan tâm đầu tư, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nên dẫn đến năng suất thấp, hay bị dịch bệnh;
- Thời điểm thu hoạch cây ca cao rải rác trong năm nên khó khăn trong vấn đề tiêu thụ sản phẩm;

Bảng phân phân bố diện tích ca cao tại các huyện từ năm 2012 đến năm 2017

DVT: ha

TT	Địa phương	2012	2013	2014	2015	2016	2017
1	Tân Phú	459	155	49	81	128	120
2	Định Quán	210	190	98,3	165	80,7	89
3	Thống Nhất	120	54	48	32	82,7	58,6
4	Xuân Lộc	150	79	39,9	36	71,2	23,6
5	Trảng Bom	103	119	87	80	31,4	76,5
6	Vĩnh Cửu	5	5	5	5	5	1,5
7	Long Khánh	91,8	92	49,4	91	91	70,7
Tổng		1.138,8	694	376,6	490	490	439,9

(Số liệu thống kê từ các phòng nông nghiệp/kinh tế địa phương)

2.2- Về triển khai sản xuất ca cao theo hướng an toàn

Nhằm bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo đảm sức khỏe cho người tiêu dùng, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường, người dân, doanh nghiệp đã triển khai các mô hình sản xuất ca cao theo hướng an toàn. cụ thể như sau:

- *Chứng nhận Ca cao theo tiêu chuẩn UTZ*: Đây là chương trình chứng nhận toàn cầu đưa ra các tiêu chuẩn sản xuất và kinh doanh nông sản có trách nhiệm về kinh tế, xã hội và môi trường... Công ty TNHH Ca cao Trọng Đức từ khi được thành lập vào năm 2006, đã đề ra và thực hiện đề án phát triển vùng nguyên liệu một cách bền vững từ cây ca cao trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và những tỉnh lân cận như Lâm Đồng, Bình Thuận theo quy trình UTZ. Công ty đã triển khai tập huấn và hỗ trợ cho hơn 200 hộ đăng ký sản xuất ca cao theo tiêu chuẩn chất lượng UTZ Certified Good inside. Chương trình này mang lại nhiều lợi ích cho nông dân, như: chi phí sản xuất giảm, năng suất tăng, được doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm với giá cao hơn mặt bằng chung thị trường; được hỗ trợ miễn phí tham gia tập huấn về kỹ thuật bón phân, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật đúng cách... Hiện doanh nghiệp đã phát triển được 176,8 ha ca cao đạt chứng nhận UTZ Certified Good Inside trên địa bàn Đồng Nai.

Việc thực hiện Chương trình UTZ chủ yếu thay đổi tập quán sản xuất, giúp cho nông dân học hỏi phương pháp canh tác tốt hơn, cải thiện các điều kiện làm việc của người trồng và bảo vệ môi trường. Tham gia sản xuất theo quy trình UTZ, nông dân được hỗ trợ miễn phí tập huấn về kỹ thuật bón phân, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật đúng cách... Bên cạnh đó, giá ca cao đạt chứng nhận UTZ hiện đang được doanh nghiệp thu mua cao hơn 2.500 đồng mỗi kg hạt khô so với mặt bằng chung trên thị trường. Hiện doanh nghiệp đang tiếp tục hỗ trợ

nông dân nhân rộng diện tích ứng dụng quy trình sản xuất sạch này với mục tiêu xây dựng thương hiệu về uy tín chất lượng cho cây ca cao Đồng Nai.

Ngoài ra công ty còn phối hợp với tập đoàn Cargill, các tổ chức PPP ca cao thế giới tổ chức tập huấn cho các hộ nông dân trồng ca cao xây dựng một chuỗi giá trị chứng nhận (như Ca cao hữu cơ, UTZ và thương mại cộng đồng) nhằm đạt sự hiệu quả, bền vững và nâng cao thu nhập cho người nông dân trồng ca cao. Kết quả đến nay đã hỗ trợ cấp giấy chứng nhận UTZ cho 185 nông hộ với diện tích khoảng 176,8 ha với sản lượng ước đạt 282,08 tấn hạt (*chiếm 35% so với tổng sản lượng được chứng nhận của cả nước*)

- *Áp dụng quy trình sản xuất, sơ chế biến hạt cacao đạt tiêu chuẩn Cacao-Trace*: Công ty TNHH Đầu tư phát triển nông nghiệp Nguyên Lộc bắt đầu thành lập và đi vào hoạt động từ năm 2003. Từ năm 2010, trong điều kiện gặp nhiều khó khăn thì công ty đã định hướng theo con đường sản xuất hạt cacao chất lượng theo tiêu chuẩn Cacao – Trace cung cấp cho nhà máy chế biến Puratos Grand – Place Việt Nam. Áp dụng quy trình sản xuất, sơ chế biến hạt cacao đạt tiêu chuẩn Cacao-Trace. Tiêu chí đánh giá Cacao-Trace bao gồm 7 yếu tố cơ bản như sau: Truy xuất nguồn gốc (các hồ sơ giấy tờ ghi chép về 1 lô hàng: danh sách nông dân, checklist, hồ sơ thanh toán...); Chất lượng hạt lên men (lên men và đảm bảo theo quy trình do Puratos Grand-Place cung cấp, có sự kiểm soát và đánh giá đạt chất lượng..); Quyền lợi tài chính (đảm bảo sự công bằng minh bạch giá cả, quyền lợi tài chính của nông dân, người lên men và công ty); An toàn lao động và sức khỏe con người; Đảm bảo tuân thủ pháp luật (không sử dụng lao động trẻ em, bảo hiểm, hợp đồng lao động); Môi trường: bảo đảm an toàn vệ sinh và bảo vệ môi trường; Thực hành sản xuất tốt trên vườn cây, sử dụng các loại thuốc BVTV nằm trong danh mục thuốc khuyến cáo sử dụng. Đến nay, tổng diện tích đảm bảo theo tiêu chuẩn chất lượng Cacao - Trace là gần 130 ha. Sản lượng cung cấp hàng năm là 200 tấn hạt ca cao chất lượng.

- Ngoài ra các hộ trồng ca cao còn được hỗ trợ tập huấn kỹ thuật, sản xuất an toàn theo chương trình tập huấn hàng năm do ngành nông nghiệp tổ chức.

2.3- Về thực hiện công tác quản lý chất lượng trái ca cao

Nhằm khuyến khích phát triển liên kết sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, Tỉnh Đồng Nai đã kịp thời ban hành chính sách cụ thể hóa Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg, ngày 10/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn. Đến nay, toàn tỉnh đã có 19 dự án cánh đồng lớn được phê duyệt, trong đó đối với liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ ca cao đã có ba dự án được phê duyệt với tổng diện tích 2.030 ha (*khoảng 47,7% diện tích ca cao trên địa bàn tỉnh được tiêu thụ thông qua hợp đồng kinh tế*), 208 hộ tham gia, do các doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Bamboo Capital, Công ty TNHH Ca cao Trong Đức, Công ty TNHH Đầu tư phát triển nông nghiệp Nguyên Lộc làm chủ dự án. Các hộ dân khi tham gia dự án được chủ dự án hoặc cơ quan chuyên môn ngành nông nghiệp tỉnh tập huấn về kỹ thuật sản

xuất, phòng chống dịch hại cây trồng, hướng dẫn thực hành sản xuất nông nghiệp tốt theo quy định. Bên cạnh đó, 100% hộ dân sản xuất ca cao trên địa bàn tỉnh được ký cam kết về sản xuất thực phẩm an toàn theo Thông tư 51/2014/TT-BNN, ngày 27/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định đảm bảo điều kiện an toàn thực phẩm và phương thức quản lý đối với cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ.

Trong những năm gần đây, tình hình sản xuất và chế biến ca cao của tỉnh Đồng Nai có những bước phát triển về số lượng và quy mô công nghệ nhằm tạo ra nhiều sản phẩm đáp ứng cho thị trường nội địa và xuất khẩu. Các sản phẩm được chế biến từ hạt ca cao như: Socola, bột ca cao, rượu ca cao, hạt ca cao lên men,...Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 03 cơ sở chế biến sản phẩm ca cao đã được cơ quan nhà nước kiểm tra và cấp giấy đủ điều kiện về an toàn thực phẩm

2.4- Thu hoạch và vận chuyển

a) Mùa vụ thu hoạch và phương thức thu hoạch

Ca cao có hai vụ thu hoạch rõ: vụ 1 vào tháng 11 đến tháng 12 và vụ 2 vào tháng 3 đến tháng 4 năm sau; với vườn có tưới nước trong mùa khô, ca cao hầu như thu hoạch quanh năm. Chỉ thu hoạch trái chín có màu vàng hoặc đỏ cam tùy theo giống nhưng dấu hiệu rõ nhất là khi các rãnh trên quả chuyển sang màu vàng cam, không thu quả chưa chín và cũng không để quả quá chín mới thu hoạch. Thu hoạch trái đúng thời điểm là việc làm rất quan trọng, vì hái trái non sẽ khó bóc hạt và chất lượng hạt kém (chai, xám), nếu thu trễ thì trái dễ bị hư do sâu bệnh, chuột phá hại hoặc hạt sẽ nảy mầm.

Cắt cuống trái bằng kéo tĩa cành hoặc bằng dụng cụ cắt bén. Trái hái xong có thể ủ lại từ 5 - 7 ngày để đủ lượng hạt cho 1 lần ủ và đồng thời làm tăng phẩm chất hạt. Hạt khi đã tách khỏi trái cần phải ủ ngay không được lưu quá 24 giờ.

b) Vận chuyển:

- Vùng sản xuất gần nhà máy chế biến ca cao: Các hộ dân sau khi thu hoạch tự vận chuyển đến kho dự trữ của nhà máy để cân bán sản phẩm, chi phí vận chuyển do người bán tự chịu.

- Vùng sản xuất xa nhà máy: Người dân sau khi thu hoạch vận chuyển đến các điểm thu mua của nhà máy (hợp tác xã, tổ hợp tác và một số hộ nông dân nông cốt). Sau khi thu mua đủ lượng hàng, cán bộ thu mua cân trọng lượng và vận chuyển về xưởng sơ chế chế biến của công ty. Hình thức này là phổ biến chiếm khoảng 70%.

3. Tình hình tiêu thụ, xuất khẩu ca cao trên địa bàn Đồng Nai

3.1- Thực trạng việc tiêu thụ ca cao

Hiện nay nông dân trồng ca cao trên địa bàn tỉnh chủ yếu bán trái tươi cho Công ty TNHH Cacao Trọng Đức và Công ty TNHH Đầu tư phát triển nông nghiệp Nguyên Lộc để sơ chế, chế biến. Hai công ty trên đã đặt các điểm thu

mua tại các hợp tác xã, tổ hợp tác và thông qua các hộ nông dân nông cốt (Hiện tại có 2 hợp tác xã và 17 tổ hợp tác). Đối với Công ty Cổ phần Bamboo Capital, Công ty đã ký hợp đồng bao tiêu toàn bộ sản phẩm đối với 17 hộ dân trên địa bàn xã An Viễn huyện Trang Bom, tuy nhiên diện tích ca cao đang giai đoạn trồng mới nên chưa cho sản phẩm.

Các công ty đều thực hiện tốt việc thu mua sản phẩm ca cao theo hợp đồng bao tiêu sản phẩm cây ca cao với các hộ dân đã được ký kết. Vận động hộ dân thành lập hợp tác xã, tổ hợp tác, Công ty Trọng Đức tạo điều kiện cho các Hợp tác xã thu mua trái ca cao và Công ty chuyển giao kỹ thuật và hướng dẫn sơ chế tại Hợp tác xã nhằm tạo công ăn việc làm cho thành viên hợp tác xã và sau đó giao cho công ty.

Thực hiện tiêu thụ ca cao theo phương pháp chế biến sâu: Để đảm tiêu thụ đầu ra cho sản phẩm ca cao sau chế biến của Công ty đã ký hợp đồng hợp tác với Công ty Ca cao Ken (doanh nghiệp của Nhật Bản), trong đó hai bên thống nhất đầu tư nhà máy chế biến chocolate phục vụ nhu cầu chế biến của Công ty với tổng vốn là 7 tỷ đồng, công suất đạt 40 tấn/tháng. Bên cạnh đó, Công ty Trọng Đức chủ động mở rộng khu vực sơ chế hạt ca cao thêm 300 m² với tổng vốn đầu tư là 1,2 tỷ đồng. Công ty TNHH Ca Cao Trọng Đức là doanh nghiệp đầu tiên tại Việt Nam được tổ chức UTZ Certified cấp chứng nhận cho sản phẩm làm từ ca cao và được cấp chứng nhận cho 10 dòng sản phẩm làm từ ca cao trong đó có: rượu ca cao, vang ca cao, bột ca cao nguyên chất, bột ca cao 3 trong 1 và 6 dòng sô cô la.

Công ty TNHH Đầu tư phát triển nông nghiệp Nguyên Lộc xây dựng dự án đầu tư phát triển vùng nguyên liệu cây ca cao trên địa bàn 02 tỉnh Đồng Nai và Bình Thuận với diện tích hơn 500 ha. Đầu tư giống, phân bón, hướng dẫn kỹ thuật và bao tiêu toàn bộ sản phẩm ca cao làm ra. Từ năm 2010, trong điều kiện gặp nhiều khó khăn thì công ty đã định hướng theo con đường sản xuất hạt ca cao chất lượng theo tiêu chuẩn Cacao – Trace cung cấp cho nhà máy chế biến Puratos Grand – Place Việt Nam. Áp dụng quy trình sản xuất, sơ chế biến hạt ca cao đạt tiêu chuẩn Ca cao-Trace

3.2- Phương thức tiêu thụ ca cao

Hiện nay có 03 phương thức sau:

- Tiêu thụ thông qua hợp đồng được ký kết giữa doanh nghiệp với các hộ dân, chiếm 47,7%. Phương thức đảm bảo được lợi ích hài hòa giữa người mua và người bán (*bên bán đảm bảo bao tiêu sản phẩm; bên mua đầu vào ổn định nên thuận lợi trong hoạt động chế biến*). Đây là hình thức liên kết được nhà nước quan tâm, khuyến khích thực hiện.

- Tiêu thụ thông qua các điểm thu mua ngoài hợp đồng liên kết. Hình thức này áp dụng đối với các địa phương chưa hình thành các vùng sản xuất ca cao tập trung, hình thức này chiếm tỷ lệ 42,3%.

- Thu mua thông qua hệ thống thương lái chiếm 10%. Hình thức này chủ yếu được áp dụng tại một số địa phương có diện tích ca cao phân tán, nhỏ lẻ tại

một số địa bàn như: Xuân Lộc, Trảng Bom, Vĩnh Cửu. Các thương lái thu mua và bán cho các công ty chế biến ca cao trên địa bàn tỉnh và các tỉnh lân cận như Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Dương.

3.3- Phương thức giao dịch và thanh toán giữa doanh nghiệp – hợp tác xã, câu lạc bộ - tổ hợp tác với nông dân

a) Phương thức giao dịch thông dụng:

Việc giao dịch, thoả thuận trong mua bán ca cao giữa người sản xuất và người thu mua (hợp tác xã, tổ hợp tác, một số hộ nông dân nông cốt) được thực hiện thông qua điện thoại hoặc gặp gỡ trực tiếp.

Sau khi người mua và người bán thống nhất được phương thức thu mua, giá cả, khối lượng, chất lượng sản phẩm thì tiến hành việc tổ chức thu mua tại các điểm tập kết và công ty cho xe đến vận chuyển về nhà máy chế biến.

b) Phương thức thanh toán: Thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt.

Dựa vào dự báo sản lượng thu hoạch công ty tạm ứng trước cho các điểm thu mua để thanh toán cho hộ dân bán ca cao ngay sau khi cân hàng và xác định số lượng. Tuy nhiên tùy theo tình hình (do thiếu vốn nhưng hai bên có sự quen biết và tin tưởng...) hợp tác xã, tổ hợp tác lấy vốn hoạt động sản xuất kinh doanh để thanh toán trước cho người bán ca cao sau đó công ty sẽ thanh toán lại cho hợp tác xã, tổ hợp tác.

3.4 - Tình hình sơ chế, đóng gói, tiêu thụ cacao:

Trên địa bàn tỉnh hiện có 03 cơ sở sơ chế, chế biến ca cao. Ca cao và sản phẩm chế biến từ ca cao được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu, trong đó chủ yếu là tiêu thụ trong nước, cụ thể:

- Công ty TNHH MTV Đồi Đá, xã Phú An, huyện Tân Phú: Thu mua ca cao tươi của hộ dân sau đó sơ chế lên men hạt ca cao và bán sản phẩm thô cho Công ty TNHH Cacao Trọng Đức để chế biến sâu.

- Công ty TNHH Đầu tư phát triển Nguyên Lộc, xã Hàng Gòn, thị xã Long Khánh: Thu mua sản phẩm cao tươi của hộ dân sau đó thực hiện công đoạn sơ chế lên men hạt ca cao và bán sản phẩm thô cho doanh nghiệp ngoài tỉnh chế biến, tiêu thụ;

- Công ty TNHH Ca cao Trọng Đức, huyện Định Quán thực hiện chuỗi sản xuất từ khâu sơ chế, chế biến, đóng gói và tiêu thụ sản phẩm: Lên men hạt ca cao, rượu vang ca cao, rượu ca cao, bột ca cao nguyên chất, socola đắng và socola sữa. Sản phẩm được tiêu thụ tại thị trường trong nước và xuất khẩu. Sản phẩm chế biến từ ca cao Công ty tiêu thụ trong nước thông qua hệ thống siêu thị Coop Mart, Lotte Mart, các cửa hàng tiện lợi... và tại điểm dừng chân của Công ty ở xã Phú Hòa, huyện Định Quán.

3.5 -Tình hình xuất khẩu ca cao

Trong 3 năm gần đây, kim ngạch xuất khẩu của ngành hàng này giảm dần,

từ 15% trên tổng doanh thu năm 2015 giảm xuống còn khoảng 10% vào năm 2017 và dự kiến sẽ tiếp tục giảm trong năm 2018 do các doanh nghiệp hạn chế xuất khẩu ca cao hạt, tập trung nguồn ca cao hạt để làm nguyên liệu chế biến. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc.... Tuy nhiên, dự kiến sẽ tăng mạnh trong năm 2019 và những năm tiếp theo, tập trung vào các thị trường Nhật Bản và Hàn Quốc với mặt hàng bơ ca cao, ca cao mát....do Công ty vừa đầu tư mở rộng cơ sở sản xuất các sản phẩm trên theo nhu cầu của thị trường.

II. Tình hình sản xuất, tiêu thụ ca cao và cung ứng vật tư nông nghiệp thông qua hình thức hợp tác, liên doanh, liên kết

1. Tình hình chung về tổ hợp tác và hợp tác xã trên địa bàn tỉnh

1.1. Về Tổ hợp tác (THT)

Đến cuối tháng 06/2018 toàn tỉnh có 1.116 THT trong đó có 687 THT đăng ký hoạt động với chính quyền địa phương theo Nghị định 151/2007/NĐ-CP của Chính phủ, chiếm tỷ lệ 61,56% so với tổng số THT. Tổng số thành viên là 27.952, vốn góp trên 4.658 triệu đồng. Các lĩnh vực hoạt động gồm: Nông nghiệp có 1.023 THT; phi nông nghiệp có 93 THT.

(Nguồn số liệu: tổng hợp từ các phòng Nông nghiệp/Kinh tế các địa phương)

Nhìn chung, hoạt động của các THT đã từng bước đi vào chiều sâu và có hiệu quả nhất định. THT thành lập theo dựa trên nhu cầu thực tế của thành viên, hoạt động theo một số nguyên tắc cơ bản như tự nguyện, hợp vốn, hợp sức, quản lý dân chủ; đầu mỗi quản lý điều hành dịch vụ cho hộ thành viên, phát huy tinh thần giúp đỡ nhau trong sản xuất. Các THT hoạt động trên nhiều lĩnh vực ngành nghề như nông nghiệp, dịch vụ, thủ công mỹ nghệ, dệt thổ cẩm, đúc gang, hàng mộc xuất khẩu nhưng chủ yếu vẫn là dịch vụ cho sản xuất nông nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế hộ, mang lại lợi ích thiết thực, góp phần giải quyết những yêu cầu thực tế, thúc đẩy kinh tế nông nghiệp phát triển, làm tiền đề hình thành Hợp tác xã. Một số THT đã mạnh dạn vận động các thành viên cùng góp vốn, xây dựng phương án kinh doanh và xây dựng thương hiệu sản phẩm an toàn được cấp chứng nhận theo tiêu chuẩn VietGAP để xúc tiến tạo đầu ra cho sản phẩm như: THT ổi Bảo Quang (xã Bảo Quang, thị xã Long Khánh), THT chôm chôm, THT măng cầu xiêm (xã Xuân Bảo, huyện Cẩm Mỹ), THT tiêu Lâm San (xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ), THT sầu riêng (xã Bình Sơn, huyện Long Thành)...; Một số THT hoạt động hiệu quả đã chuyển lên thành Hợp tác xã để đáp ứng nhu cầu của các thành viên, đồng thời có tư cách pháp nhân giao dịch với các doanh nghiệp nhằm xúc tiến ký các hợp đồng liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cho thành viên và người dân trong vùng như: THT tiêu Xuân Thọ (xã Xuân Thọ, huyện Xuân Lộc) chuyển lên thành HTX tiêu Xuân Thọ, được UBND tỉnh phê duyệt dự án Cánh đồng lớn sản xuất, tiêu thụ sản phẩm tiêu trên địa bàn huyện Xuân Lộc; THT điều An Viễn (xã An Viễn, huyện Trảng Bom) chuyển lên thành HTX DVNN Điều An Viễn, được UBND tỉnh phê duyệt dự án Cánh đồng lớn sản xuất, tiêu thụ sản phẩm điều trên

địa bàn huyện Trảng Bom và đang xem xét phê duyệt mô hình ca cao xen điều do Công ty Bamboo Capital đầu tư. THT tiêu Lâm San (xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ) chuyển lên thành HTX tiêu Lâm San, đang trình UBND tỉnh phê duyệt dự án Cánh đồng lớn sản xuất, tiêu thụ sản phẩm tiêu an toàn trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ. THT rau Bảo Vinh (thị xã Long Khánh) phát triển thành HTX rau Ruộng Lớn để giải quyết nhu cầu sản xuất, tiêu thụ của các hộ dân trồng rau. THT sầu riêng Xuân Định (xã Xuân Định, huyện Xuân Lộc) phát triển thành HTX sầu riêng Xuân Định và được UBND tỉnh phê duyệt dự án chuỗi liên kết trên cây sầu riêng...

Tuy đã được tuyên truyền Nghị định số 151/2007/NĐ-CP về tổ hợp tác đến tận khu, ấp nhưng đến nay nhiều THT vẫn chưa thực hiện theo Nghị định. Nhiều THT hoạt động còn yếu, chưa cung cấp các dịch vụ thiết thực cho tổ viên; chưa đăng ký với chính quyền địa phương nên gặp nhiều khó khăn trong giao dịch kinh tế và giải quyết vấn đề tranh chấp trong nội bộ tổ hợp tác hoặc giữa tổ hợp tác với các thành phần kinh tế khác...do đó hoạt động của một số tổ hợp tác chưa thực sự là nền tảng để phát triển thành HTX và việc thực hiện các chính sách hỗ trợ cho đối tượng này còn hạn chế.

1.2. Về Hợp tác xã (HTX)

Đến cuối tháng 06/2018, toàn tỉnh có 352 HTX, Liên hiệp HTX và Quỹ tín dụng nhân dân với tổng vốn điều lệ trên 1.507 tỷ đồng, 94.994 thành viên. 33 HTX công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp với tổng vốn điều lệ 267.530 tỷ đồng, 371 thành viên; 68 HTX thương mại-dịch vụ với tổng vốn điều lệ 185.883 triệu đồng, 1.757 thành viên; 32 HTX vận tải với tổng vốn điều lệ 107.897 triệu đồng, 9.753 thành viên; 03 HTX xếp dỡ hàng hóa với tổng vốn điều lệ 3.031 triệu đồng, 139 thành viên; 15 HTX xây dựng với tổng vốn điều lệ 249.550 triệu đồng, 129 thành viên và 239 lao động; 27 HTX vệ sinh môi trường, với tổng vốn điều lệ 62.556 triệu đồng, 260 thành viên; 01 HTX giáo dục với vốn điều lệ 1.800 triệu đồng, 10 thành viên và 9 lao động; 36 Quỹ tín dụng nhân dân và 12 phòng giao dịch trực thuộc, với vốn điều lệ là 141.290 triệu đồng và 78.893 thành viên) Ước doanh thu bình quân của một HTX 3,2 tỷ đồng/năm; Lợi nhuận bình quân 370 triệu đồng/HTX; Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong HTX là 35 triệu đồng/năm; Thu nhập bình quân năm của thành viên hợp tác xã 30 triệu đồng/năm. Trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý HTX ngày càng được nâng cao. Tổng số cán bộ quản lý 1.355 người, trong đó: số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp là 678 người đạt tỷ lệ 51,9%; số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên là 312 người, đạt tỷ lệ 24,9%.

Nhìn chung hoạt động của HTX vẫn được duy trì và có bước phát triển, đang dần chuyển theo hướng đa chức năng, mở thêm nhiều lĩnh vực hoạt động, đầu tư cơ sở vật chất, ổn định cơ cấu tổ chức phát huy hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh; nhiều hợp tác xã, tổ hợp tác được củng cố, đổi mới về tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật HTX năm 2012, trong đó xuất hiện một số điển hình tiên tiến, hợp tác xã khá chiếm tỷ trọng ngày càng cao; thành viên tham gia hợp tác xã ngày càng nhiều, đa dạng; vốn điều lệ của hợp tác xã

ngày càng lớn; lĩnh vực hoạt động ngày càng rộng, tạo việc làm và thu nhập thường xuyên cho người lao động, từng bước đáp ứng nhu cầu kinh tế và đời sống của thành viên. Xu hướng liên kết hợp tác giữa các HTX với nhau, giữa HTX với doanh nghiệp cũng được nâng lên, nhất là các HTX, doanh nghiệp hoạt động cùng ngành nghề, cùng địa bàn. Các HTX đã từng bước khẳng định là nhân tố quan trọng góp phần bảo đảm an ninh xã hội, ổn định chính trị ở cơ sở và sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tuy nhiên, nhiều HTX vẫn chưa thoát khỏi tình trạng yếu kém kéo dài. Nhiều hạn chế, yếu kém của HTX mà Nghị quyết Trung ương 5 khoá IX và Chỉ thị số 20-CT/TW, ngày 02/01/2008 của Ban Bí thư về tăng cường lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khoá IX đã chỉ ra, đến nay vẫn chưa được khắc phục. Phần lớn các hợp tác xã hoạt động với quy mô nhỏ, vốn ít, cơ sở vật chất nghèo nàn, không có tài sản thế chấp khi vay các tổ chức tín dụng, công nghệ lạc hậu; nhiều HTX hoạt động lúng túng, chưa tiếp cận thông tin thị trường, tiến bộ khoa học kỹ thuật; chưa có phương án sản xuất kinh doanh khả thi để thu hút vốn thành viên; chưa tổ chức liên doanh, liên kết; nội dung hoạt động còn đơn điệu, còn có những biểu hiện hình thức, xa rời bản chất các nguyên tắc và giá trị hợp tác xã; một số cán bộ Hội đồng quản trị năng lực còn hạn chế, chưa thật sự tâm huyết, chưa năng động, còn tư tưởng trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước; một số Ban kiểm soát chưa phát huy hết vai trò của mình, chưa thường xuyên kiểm soát hoạt động của HTX nên hạn chế tính rõ ràng, minh bạch trong quản lý, điều hành, chậm phát hiện sai sót, chưa kịp thời góp ý chấn chỉnh nên dễ xảy ra mất đoàn kết nội bộ ...từ đó khó thu hút và huy động vốn góp của thành viên hợp tác xã; chưa trở thành chỗ dựa tin cậy, vững chắc cho thành viên và thành viên cũng chưa thực sự gắn bó với hợp tác xã.

Đối với lĩnh vực nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp: Đến cuối tháng 06/2018, toàn tỉnh có 126 HTX, với tổng vốn điều lệ đăng ký 244,499 tỷ đồng và 2.612 thành viên (*Nguồn số liệu: tổng hợp từ các phòng Nông nghiệp/Kinh tế các địa phương*). Nhiều HTX dịch vụ nông nghiệp đã mạnh dạn đầu tư mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động cung cấp dịch vụ cho kinh tế hộ thành viên như dịch vụ cung ứng phân bón, thuốc trừ sâu, thu mua nông sản, mua bán cây con giống, thức ăn gia súc, gia cầm; quản lý công trình thủy lợi phục vụ tưới tiêu, nước sạch nông thôn; thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt; trồng rừng,... góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn và từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của thành viên và lao động nông thôn. Một số HTX đã ý thức được tầm quan trọng của thương hiệu trong thời kỳ hội nhập nên đã tham gia xây dựng các dự án cánh đồng lớn. Đến nay toàn tỉnh có 19 dự án Cánh đồng lớn đã được UBND tỉnh phê duyệt, trong đó có 12 dự án do HTX làm chủ dự án cụ thể như: HTX Nông nghiệp dịch vụ An Viễn (cây điều), HTX thương mại dịch vụ nông nghiệp Xuân Tiến (cây bắp, lúa gạo), HTX thương mại dịch vụ nông nghiệp Xuân Định (cây sầu riêng), HTX rau an toàn Lộc Tiến (rau), HTX Hồ tiêu Xuân Thọ (tiêu), HTX nông nghiệp thương mại dịch vụ Bảo Hòa (cây chôm chôm), HTX Đông Tây (cây bắp), KTX thương mại dịch vụ nông nghiệp Xuân Lập (chôm chôm, sầu riêng), HTX nông nghiệp dịch vụ thương mại Bình

Lộc (chôm chôm), HTX dịch vụ đầu tư phát triển nông nghiệp xanh (sầu riêng), HTX nông nghiệp dịch vụ thương mại và du lịch Suối Lớn (xoài), HTX nông nghiệp Lâm San (tiêu).

Tuy nhiên, trong các lĩnh vực hoạt động, khối HTX nông nghiệp vẫn là loại hình hoạt động gặp nhiều khó khăn, bất cập nhất; cần tiếp tục được tập trung củng cố, hỗ trợ để nâng cao hiệu quả hoạt động nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn giai đoạn hiện nay. Hiện nay lĩnh vực HTX nông nghiệp vẫn còn một số tồn tại: Quy mô hoạt động của HTX còn quá nhỏ, thiếu vốn, thiếu cơ sở vật chất, nội dung hoạt động còn đơn điệu, khối lượng dịch vụ nhỏ so với nhu cầu của thành viên, sự liên kết giữa các HTX với nhau và giữa HTX với doanh nghiệp chưa nhiều. Bên cạnh đó, trình độ Ban quản trị HTX còn hạn chế, chưa định hướng phát triển sản xuất kinh doanh hợp lý, có tư tưởng trông chờ sự hỗ trợ của Nhà nước.

2. Tình hình sản xuất ca cao theo mô hình HTX, THT, nhóm liên kết sản xuất ca cao

Toàn tỉnh có 02 HTX và 08 tổ hợp tác sản xuất ca cao với tổng diện tích khoảng 300 ha (chiếm khoảng 56,6 % diện tích ca cao toàn tỉnh), sản lượng chiếm khoảng 66,6% sản lượng toàn tỉnh. Với mô hình HTX nông nghiệp kiểu mới theo tinh thần Luật HTX năm 2012 thì hầu hết HTX nông nghiệp hoạt động chủ yếu là dịch vụ phục vụ cho hộ thành viên ở các khâu của quá trình sản xuất (cung ứng đầu vào, dịch vụ các việc trong quy trình sản xuất, dịch vụ chế biến và tiêu thụ sản phẩm) để nâng cao hiệu quả sản xuất cho hộ thành viên. Tuy nhiên, do năng lực nội tại của hầu hết các HTX nông nghiệp còn yếu nên hoạt động dịch vụ của HTX vẫn chưa hỗ trợ thật hiệu quả cho sản xuất của hộ thành viên. Các HTX và THT sản xuất ca cao cũng trong tình hình chung như thế.

Hoạt động nổi bật của các HTX, THT ca cao là hoạt động hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật trồng mới, chăm sóc ca cao cho hộ thành viên và nông dân. Các HTX, THT tập hợp thành viên để trao đổi kinh nghiệm hoặc tiếp nhận các lớp tập huấn từ các tổ chức khuyến nông của nhà nước hoặc các công ty. Trong thời gian qua, hoạt động này góp phần quyết định trong nâng cao thêm trình độ sản xuất của hộ trồng ca cao, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trồng ca cao. Đến nay Đồng Nai có 176,8 ha ca cao (chiếm khoảng 27,25% diện tích ca cao toàn tỉnh) của 185 hộ có chứng nhận UTZ và 130 ha ca cao đạt tiêu chuẩn ca cao TRACE. Hầu hết diện tích này của thành viên HTX, THT.

3. Tình hình tiêu thụ ca cao thông qua HTX, THT.

Hầu như HTX, THT không thực hiện được việc mua ca cao của hộ thành viên để bán cho các doanh nghiệp kinh doanh, chế biến (mặc dù thực tế HTX có ký hợp đồng mua/bán ca cao với nông dân/doanh nghiệp) vì HTX, THT không có vốn và thành viên có quyền tự chủ trong tiêu thụ ca cao của mình. Hoạt động mua ca cao chủ yếu do doanh nghiệp tổ chức thực hiện.

HTX, THT tham gia việc tiêu thụ ca cao thông qua hoạt động hỗ trợ thành viên kết nối với người mua (chủ yếu là các doanh nghiệp kinh doanh, chế biến

ca cao), giám sát việc thực hiện chính sách thu mua của doanh nghiệp kinh doanh, chế biến ca cao đối với nông dân, ký/thực hiện hợp đồng mua ca cao với nông dân đồng thời ký/thực hiện hợp đồng bán ca cao cho doanh nghiệp kinh doanh, chế biến ca cao. Với hình thức này HTX,THT hỗ trợ tiêu thụ khoảng 70% sản lượng ca cao của thành viên (khoảng 47,7% sản lượng ca cao toàn tỉnh)

4. Tình hình cung ứng vật tư nông nghiệp thông qua HTX,THT.

Tương tự như tình hình tiêu thụ ca cao, do các HTX,THT ca cao quá thiếu vốn nên các HTX, THT không thực hiện cung ứng phân bón, vật tư nông nghiệp cho thành viên, nông dân, chủ yếu là hướng dẫn chủng loại, định mức phân bón sử dụng và giới thiệu các địa chỉ cung ứng phân bón tin cậy để thành viên, nông dân tham khảo, lựa chọn mua, sử dụng. Nông dân trực tiếp thanh toán với đơn vị cung ứng phân bón. Trong quan hệ với Tập đoàn phân bón Con Cò Vàng, doanh nghiệp chế biến ca cao trực tiếp ký hợp đồng với tập đoàn sau đó nhận phân bón về cung ứng cho nông dân, HTX, THT không tham gia vào hoạt động này.

5. Thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân sản xuất ca cao trên địa bàn tỉnh

5.1 Doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh ca cao

Toàn tỉnh có 03 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thu mua, chế biến ca cao, trong đó, Công ty TNHH MTV Đồi Đá, xã Phú An, huyện Tân Phú: Thu mua ca cao tươi của hộ dân sau đó sơ chế lên men hạt ca cao và bán sản phẩm thô cho Công ty TNHH Cacao Trọng Đức để chế biến sâu; Công ty TNHH Đầu tư phát triển Nguyên Lộc, xã Hàng Gòn, thị xã Long Khánh: Thu mua sản phẩm cao tươi của hộ dân sau đó thực hiện công đoạn sơ chế lên men hạt ca cao và bán sản phẩm thô cho doanh nghiệp ngoài tỉnh chế biến, tiêu thụ; Công ty TNHH Ca cao Trọng Đức, huyện Định Quán thực hiện chuỗi sản xuất từ khâu sơ chế, chế biến, đóng gói và tiêu thụ trong nước thông qua hệ thống siêu thị Coop Mart, Lotte Mart, các cửa hàng tiện lợi... và tại điểm dừng chân của Công ty ở xã Phú Hòa, huyện Định Quán.

Trong số các doanh nghiệp trên, Công ty TNHH Ca cao Trọng Đức với lợi thế thời gian hoạt động lâu năm đã tích lũy được khá nhiều kinh nghiệm cùng với Dự án liên kết đối với sản phẩm ca cao đã được phê duyệt nên Công ty đã phát huy được vai trò trong việc định hướng phát triển cây ca cao trên địa bàn tỉnh, hạn chế được tình trạng tranh mua, tranh bán, gây bất ổn thị trường, về phía người nông dân có được đầu ra ổn định.

5.2- Hợp tác xã.

Một số HTX hỗ trợ khá hiệu quả trong tiêu thụ sản phẩm ca cao cho thành viên hợp tác xã, cụ thể như: Hợp tác xã ca cao Thống Nhất và Hợp tác xã ca cao Định Quán. Các hợp tác xã đã ký hợp đồng tiêu thụ ca cao trái cho thành viên hợp tác xã và ký hợp đồng bán toàn bộ sản phẩm ca cao cho Công ty TNHH Ca cao Trọng Đức cùng với hoạt động hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật cho thành viên

hợp tác xã, nông dân trong việc trồng, chăm sóc cây cao cao đã góp phần tạo nguồn nguyên liệu có chất lượng cao, ổn định cho công ty.

5.3- Người nông dân.

Do ca cao là cây trồng xen canh, kỹ thuật trồng, chăm sóc không quá phức tạp lại có hiệu quả kinh tế khá cao nên được nhiều nông dân trên địa bàn một số huyện Tân Phú, Định Quán, Thống Nhất, Trảng Bom, Long Khánh... quan tâm đầu tư nhằm tăng thu nhập. Quá trình đầu tư, nông dân thông qua các hợp tác xã, doanh nghiệp đã hợp tác tốt cùng với các cơ quan chức năng của tỉnh, huyện trong triển khai đúng định hướng, quy trình trồng, chăm sóc, góp phần phát triển có hiệu quả cây ca cao trên địa bàn. Tuy nhiên, vẫn còn một số ít nông dân chưa tuân thủ nghiêm hợp đồng đã ký, tình trạng hộ nông dân đơn phương phá vỡ hợp đồng cá biệt vẫn xảy ra trong tiêu thụ sản phẩm ca cao.

6. Sự liên kết giữa HTX với các chủ thể sản xuất, kinh doanh khác trong tiêu thụ ca cao và cung ứng vật tư nông nghiệp

Như đã trình bày trên, các HTX đã thể hiện khá tốt vai trò liên kết của mình với hai chủ thể là thành viên hợp tác xã/nông dân với các doanh nghiệp kinh doanh, chế biến ca cao trong hoạt động sản xuất, tiêu thụ. Tuy nhiên, trong hoạt động cung ứng vật tư nông nghiệp, đối với các hợp tác xã hầu như còn bỏ ngõ do hạn chế về nguồn vốn và khả năng tiếp cận với các nhà cung ứng vật tư nông nghiệp quy mô lớn, tiềm năng. Một số doanh nghiệp, các tổng đại lý e ngại cung cấp vật tư nông nghiệp cho HTX để HTX cung ứng cho nông dân do biết được vốn của HTX yếu, trong giao dịch lo HTX không có khả năng trả nợ.

Để giúp các HTX trong hoạt động này rất cần sự hỗ trợ của nhà nước về vốn (thông qua Quỹ đầu tư phát triển HTX dưới hình thức bảo lãnh tín dụng), về đào tạo nhân lực... trong thời gian tới.

7. Đánh giá chung về tình hình tiêu thụ ca cao thông qua các hình thức hợp tác trên địa bàn

Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã mở đường cho hoạt động tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thông qua Dự án liên kết giữa các chủ thể chính nhằm hình thành các cánh đồng lớn, chuyên canh, sản lượng, năng suất cao, trong đó cây cao cao là Dự án đầu tiên của tỉnh triển khai Quyết định này. Về tiêu thụ, việc quy định giá sàn thu mua đối với ca cao trong vùng Dự án đã tạo sự yên tâm cho người nông dân, HTX trong điều kiện giá cả thị trường biến động theo chiều hướng bất lợi cho người nông dân. Sau 5 năm triển khai Quyết định, hơn 03 năm triển khai Dự án tỉnh đã đánh giá được những mặt được, chưa được khi thực hiện chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm đối với cây ca cao, trong đó với chỉ tiêu lợi nhuận bình quân, nông dân tham gia Dự án đạt 130,011 triệu đồng/ha/năm, trong khi đó nông dân vùng ngoài Dự án chỉ đạt mức 117,864 triệu đồng/ha/năm.

Mục đích cuối cùng của hoạt động sản xuất, kinh doanh là lợi nhuận, đối với người trồng ca cao, đây là động cơ để người nông dân quyết định nên hay không nên tham gia các quan hệ hợp tác, trong đó có hợp tác ngang (giữa nông

dân với nông dân), hợp tác dọc (giữa nông dân với doanh nghiệp). Đồng thời qua đợt khảo sát sâu phục vụ Dự án mô hình thí điểm, hiện có rất nhiều thành viên hợp tác xã/nông dân mong muốn vào Dự án cánh đồng lớn, được ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với doanh nghiệp do thấy được hiệu quả của việc hợp tác tiêu thụ, giúp đầu ra của họ được ổn định, góp phần tăng thu nhập.

III. Thực trạng quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất, tiêu thụ ca cao và cung ứng vật tư nông nghiệp thông qua hợp tác xã

1. Công tác quy hoạch vùng sản xuất và phát triển thương mại tại địa phương:

Xác định hiệu quả trên nhiều mặt của cây ca cao, nhằm tăng khối lượng sản phẩm hàng hóa, hình thành chuỗi giá trị sản phẩm từ sản xuất, sơ chế, đến tiêu thụ, tăng hiệu quả kinh tế trên đơn vị diện tích canh tác nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho người nông dân và góp phần bảo vệ môi trường, ngày 17/5/2011, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 1209/QĐ-UBND về việc phê duyệt Chương trình phát triển cây ca cao trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn các huyện Tân Phú, Định Quán, Thống Nhất, Xuân Lộc, Trảng Bom, Vĩnh Cửu Long Khánh.

Ngày 31/12/2014, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 4227/QĐ-UBND về phê duyệt quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Theo đó, quy hoạch cánh đồng lớn phục vụ chuỗi liên kết đối với 03 nhóm cây trồng (Cây ngắn ngày; cây công nghiệp lâu năm; cây ăn quả lâu năm) với 19 loại cây trồng trên tổng diện tích 159.783 ha, chiếm 57,55% so với tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, trong đó quy hoạch vùng sản xuất ca cao với diện tích 830 ha, tập trung tại các địa phương: Thống Nhất 200 ha (xã Hưng Lộc, Bàu Hàm 2, Quang Trung, Gia Tân 1); huyện Định Quán 330ha (xã Thanh Sơn, La Ngà, Túc Trưng, Phú Túc, TT Định Quán, Gia Canh, Phú Lợi, Phú Hòa); huyện Tân Phú 300 ha (xã Phú Thịnh, Tà Lài, Nam Cát Tiên, Thanh Sơn, Phú Sơn, Phú An).

Bên cạnh đó, để đảm bảo tính đồng bộ trong công tác tổ chức triển khai thực hiện, quy hoạch phát triển hệ thống giao thông, quy hoạch thủy lợi, quy hoạch hệ thống hạ tầng thương mại cấp tỉnh và quy hoạch sản xuất nông nghiệp cấp huyện, cấp xã đã được ban hành. Trong đó, ưu tiên tập trung nguồn vốn đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong các vùng sản xuất tập trung, vùng dự án cánh đồng lớn. Hàng năm, chương trình xúc tiến thương mại được xây dựng và triển khai, chương trình ưu tiên dành kinh phí cho hoạt động xúc tiến tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, trong đó có ca cao.

2. Các cơ chế chính sách nhằm khuyến khích, hỗ trợ các hộ kinh doanh tiêu thụ nông sản và cung ứng vật tư nông nghiệp

2.1- Cơ chế, chính sách của Trung ương:

Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng qui trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; Nghị định số

55/2015/NĐ-CP, ngày 9/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn; Nghị định số 52/2018/NĐ-CP, ngày 12/4/2018 về phát triển ngành nghề nông thôn; Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 58/2018/NĐ-CP, ngày 18/4/2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp; Nghị định số 83/2018/NĐ-CP, ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Nghị định số 116/2018/NĐ-CP, ngày 7/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 55/2015/NĐ-CP về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Quyết định số 461/QĐ-TTg, ngày 27/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án phát triển 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020; Quyết định số 2015/QĐ-BNN-TT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ngày 23/8/2012 về phê duyệt quy hoạch phát triển ca cao các tỉnh phía Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020.

2.2- Chủ trương, chính sách, định hướng của tỉnh về tiêu thụ ca cao và cung ứng vật tư nông nghiệp qua hợp tác xã:

- Nhằm khuyến khích xây dựng chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, đẩy mạnh việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất. Trên cơ sở các chủ trương, chính sách của trung ương, UBND tỉnh Đồng Nai đang chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chuyên môn xây dựng, cụ thể hóa trên địa bàn tỉnh: Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 83/2018/NĐ-CP, ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông; Nghị định số 52/2018/NĐ-CP, ngày 12/4/2018 về phát triển ngành nghề nông thôn. Theo đó, đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã và các thành phần kinh tế liên quan theo quy định tại các nghị định khi tham gia vào chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm, đồng thời đảm bảo các điều kiện về quy mô, phù hợp ngành hàng, sản phẩm ưu tiên khuyến khích đầu tư sẽ được ngân sách nhà nước hỗ trợ: Chi phí tư vấn xây dựng dự án liên kết; công trình hạ tầng phục vụ liên kết; xây dựng mô hình khuyến nông; bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo kỹ thuật cho các thành viên tham gia dự án; hỗ trợ một số vật tư thiết yếu trong sản xuất; áp dụng quy trình kỹ thuật thực hành sản xuất nông nghiệp tốt; Ngoài ra các đối tượng tham gia dự án còn được miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định của pháp luật đất đai, được áp dụng các chính sách tín dụng khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp;...

- Các chính sách đã được ban hành và tiếp tục triển khai thực hiện:

+ Quyết định số 58/2014/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Các đối tác tham gia dự án sẽ được hưởng các chính sách về tập huấn, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, xúc tiến thương mại, hỗ trợ thành lập mới hợp tác xã, Hỗ trợ sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, hỗ trợ trực tiếp cho người nông dân (30% năm thứ nhất và 20% năm thứ 2 với chi phí thuê dịch vụ bảo vệ thực vật; hỗ trợ tối đa một lần 30% kinh phí mua giống; 30% chi phí đầu tư hệ thống tưới nước tiết kiệm), được nhà nước quan tâm lồng ghép nguồn vốn trong đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất (giao thông, thủy lợi, điện sản xuất). Ngoài ra các đối tượng tham gia dự án còn được miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định của pháp luật đất đai; được áp dụng các chính sách tín dụng khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp (hiện cơ quan tham mưu đang xây dựng dự thảo chính sách áp dụng trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ thay thế Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg).

+ Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về mức hỗ trợ trong việc áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) trong nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 34/2018/QĐ-UBND về sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của UBND tỉnh. Các hộ dân khi tham gia chuỗi liên kết sẽ được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí về điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí; hỗ trợ 100% kinh phí tư vấn khoa học công nghệ; hỗ trợ áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới trong sử dụng giống kháng sâu bệnh, thuốc bảo vệ thực vật; hỗ trợ 100% kinh phí cấp giấy chứng nhận 1 lần (lần đầu hoặc cấp lại)

+ Quyết định số 2251/QĐ-UBND ngày 18/7/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về phê duyệt kế hoạch đổi mới tổ chức sản xuất phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2030. Các hợp tác xã, tổ hợp tác tham gia chuỗi liên kết sẽ được ngân sách nhà nước hỗ trợ tập huấn kỹ thuật, đào tạo nâng cao năng lực cho ban quản trị hợp tác xã, ưu tiên tham gia các hội chợ xúc tiến thương mại do tỉnh tổ chức. Hỗ trợ mô hình cơ giới hóa trong sản xuất, tối đa 50% giá trị máy móc và không quá 75 triệu đồng.

+ Quyết định số 4226/QĐ-UBND ngày 27/11/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về định mức kinh tế kỹ thuật một số loại cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Theo đó, các hộ dân tham gia dự án sẽ được ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 30% chi phí lắp đặt hệ thống tưới và hỗ trợ một lần 30% chi phí đầu tư hệ thống tưới.

- Định hướng của UBND tỉnh về tiêu thụ ca cao:

Quyết định số 869/QĐ-UBND, ngày 13/4/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Đồng Nai theo hướng

nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 1130/QĐ- UBND, ngày 30/3/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về phê duyệt kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2017 – 2020. Trong đó, đối với lĩnh vực trồng trọt tiếp tục định hướng hình thành các vùng sản xuất tập trung đối với các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh, sản phẩm là đặc sản thế mạnh của địa phương, đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, xây dựng chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, đẩy mạnh việc kêu gọi doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, tập trung phát triển chế biến sâu, chế biến tinh nhằm nâng cao giá trị gia tăng trong nông nghiệp. Nhằm tăng hiệu quả sử dụng đất trên đơn vị diện tích, tăng thu nhập cho người dân, tỉnh quan tâm chỉ đạo việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng hợp lý, nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả, trong đó, định hướng mở rộng diện tích, thâm canh tăng năng suất và sản lượng ca cao song song với việc thúc đẩy gắn phát triển sản xuất với tiêu thụ sản phẩm ca cao, khuyến khích việc cung ứng vật tư nông nghiệp qua các hợp tác xã. Để thực hiện định hướng trên, giai đoạn 2017-2020 tỉnh đặt ra mục tiêu thành lập mới 125 hợp tác xã nông nghiệp; củng cố nâng cao hiệu quả hoạt động 44 hợp tác xã nông nghiệp hiện có. Các hợp tác xã này có vai trò là cầu nối giữa doanh nghiệp với nông dân trong tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và cung ứng vật tư nông nghiệp.

3. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật và cơ chế chính sách:

Song song với việc ban hành các cơ chế chính sách, Tỉnh ủy và UBND tỉnh đã thường xuyên quan tâm chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cơ chế chính nhằm nâng cao nhận thức của nông dân và các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác; thực hiện sản xuất, tiêu thụ sản phẩm ca cao theo đúng quy hoạch và định hướng thương mại của tỉnh. Các Sở, ngành, địa phương liên quan hàng năm tổ chức rất nhiều lớp tập huấn, hội thảo, hướng dẫn kỹ thuật, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cơ chế chính sách trong sản xuất và tiêu thụ ca cao; cụ thể:

- Liên minh HTX tỉnh tổ chức nhiều lớp tuyên truyền vận động thành lập mới các hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ quản lý, kiểm tra kiểm soát, tham quan học hỏi mô hình điển hình tiên tiến, xúc tiến thương mại, giới thiệu quảng bá thương hiệu.

- Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn cũng đã phối hợp với các Sở ngành, địa phương tổ chức các hội nghị sơ kết đánh giá kết quả thực hiện; đồng thời chỉ đạo cho các đơn vị trực thuộc tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cơ chế chính sách sản xuất – kinh doanh ca cao an toàn như: chương trình sản xuất ca cao an toàn theo tiêu chuẩn UTZ, VietGAP, GlobalGAP; hỗ trợ cho các hợp tác xã xây dựng các mô hình trình diễn giống mới; tập huấn quy trình sử dụng đúng cách thuốc BVTV trong việc sản xuất ca cao; tập huấn, hướng dẫn, kiểm tra công tác an toàn vệ sinh thực phẩm, kiểm tra, xử lý các vấn đề liên quan đến việc sản xuất, cung ứng, tiêu thụ, bảo quản, sử dụng vật tư nông nghiệp theo quy định...

- Sở Khoa học & Công nghệ: tuyên truyền tập huấn Chỉ dẫn địa lý cho trái ca cao Đồng Nai, gắn với việc cấp chỉ dẫn địa lý theo nhóm, tổ hợp tác, hợp tác xã, hỗ trợ đổi mới ứng dụng khoa học công nghệ trong chế biến và xuất khẩu ca cao.

- Sở Công Thương: phát triển, quản lý hạ tầng thương mại, tiêu thụ ca cao; hướng dẫn, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu; phối hợp kiểm tra, xử lý tình hình cung ứng vật tư nông nghiệp trên địa bàn tỉnh về chất lượng, giá cả, nguồn gốc xuất xứ...

- Đài Phát thanh truyền hình tỉnh (phối hợp với các công ty phân bón, thuốc bảo vệ thực vật...) thường xuyên tổ chức các chương trình tọa đàm trực tiếp nhằm phổ biến kiến thức canh tác, trao đổi kinh nghiệm, phổ biến các chính sách, quy định của tỉnh đến bạn xem đài.

4. Tổ chức thực hiện pháp luật và cơ chế chính sách (Trung ương và địa phương) liên quan đến tiêu thụ ca cao

- Thực hiện Quyết định số 62/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 58/2014/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn; UBND tỉnh Đồng Nai đã giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các Sở, ban ngành và địa phương tuyên truyền vận động nông dân và mời gọi doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết thực hiện cánh đồng lớn.

- Đối với sản phẩm ca cao, UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định phê duyệt dự án ca cao như: Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 13/4/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về phê duyệt dự án cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm ca cao trên địa bàn các huyện Thống Nhất, Định Quán, Tân Phú, tỉnh Đồng Nai của Công ty TNHH ca cao Trọng Đức; Quyết định số 4612/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt dự án cánh đồng lớn cây ca cao tại xã Bảo Quang, Bình Lộc, Hàng Gòn, thị xã Long Khánh; Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 20/02/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Dự án cánh đồng lớn cây ca cao xen điều tại xã An Viễn, huyện Trảng Bom;

- Tập huấn kỹ thuật chăm sóc cây ca cao: Sau khi dự án cánh đồng lớn được phê duyệt Công ty TNHH ca cao Trọng Đức đã phối hợp cùng các tổ chức đại diện nông dân và một số đơn vị liên quan tổ chức được 29 lớp tập huấn tập trung cho nông dân, trong đó có 24 lớp trong vùng dự án cánh đồng lớn và 5 lớp ngoài vùng dự án, với tổng số lượt nông dân được tập huấn là 1.212 lượt nông dân. Công ty TNHH Ca cao Trọng Đức ký hợp đồng với Tập đoàn Ecom Thụy Sĩ thực hiện dự án hợp tác xây dựng 01 trung tâm phát triển Ca cao để hỗ trợ kỹ thuật canh tác và sơ chế cho nông dân trồng ca cao tại Đồng Nai. Kết quả đã triển khai hỗ trợ kỹ thuật canh tác và vật tư cho 10 nông hộ để xây dựng vườn trình diễn ca cao mẫu trên địa bàn các vùng nguyên liệu của Công ty để cho

nông dân học tập thực tế, chứng minh lợi ích kinh tế của cây ca cao và là nơi thăm quan học hỏi kinh nghiệm cho nông hộ trồng ca cao lân cận.

- Nhằm triển khai thực hiện tốt dự án cánh đồng lớn đối với cây ca cao trên địa bàn tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với UBND các huyện Định Quán và các huyện, thị xã, thành phố và Công ty TNHH Ca cao Trọng Đức tham mưu UBND tỉnh tổ chức “Hội nghị đánh giá tổng kết mô hình dự án cánh đồng lớn liên kết sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ ca cao để nhân rộng trên địa bàn toàn tỉnh Đồng Nai”. Hội nghị tập trung đánh giá những kết quả đạt được của mô hình dự án cánh đồng lớn cây ca cao, những thuận lợi, khó khăn, tồn tại, hạn chế để từ đó rút kinh nghiệm cho công tác chỉ đạo, triển khai nhân rộng các mô hình cánh đồng lớn trên địa bàn toàn tỉnh

5. Kiểm tra việc thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách và xử lý vi phạm liên quan đến tiêu thụ ca cao:

Hàng năm ngành nông nghiệp tỉnh đã xây dựng kế hoạch triển khai công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh: Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng; kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp; kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm; kiểm tra điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ.

- Hoạt động kiểm tra, đánh giá phân loại cơ sở vật tư nông nghiệp: Giai đoạn 2012 – 2017, Ngành nông nghiệp đã tổ chức 678 cuộc kiểm tra, đánh giá phân loại cơ sở vật tư nông nghiệp. Kết quả số cơ sở sản xuất, kinh doanh xếp loại B, C giảm dần; cho thấy việc chấp hành quy định đã được triển khai và thực hiện hiệu quả.

- Phân tích dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trên rau, quả: Công tác kiểm tra, giám sát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật được thực hiện thường xuyên, không xảy ra ngộ độc nông sản thực phẩm. Tuy nhiên, vẫn còn một số hộ sản xuất trồng trọt chưa chấp hành tốt việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, vì vậy vẫn còn mẫu rau, quả, trái cây vượt dư lượng thuốc bảo vệ thực vật cho phép.

- Quản lý sinh vật gây hại đối với giống cây trồng mới và sinh vật có ích nhập khẩu: Phối hợp với các tổ chức, cá nhân nhập khẩu giống cây trồng tiến hành 68 lượt điều tra sinh vật gây hại trên giống cây trồng mới nhập khẩu. Kết quả chưa phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật và sinh vật gây hại lạ của Việt Nam; Kiểm tra Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa theo quy định.

- Đối với các cơ sở sản xuất giống, cung ứng vật tư phân bón trong vùng trồng ca cao và các cơ sở chế biến ca cao trên địa bàn tỉnh được Ngành nông nghiệp kiểm tra định kỳ. Qua công tác kiểm tra các cơ sở đảm bảo yêu cầu về an toàn thực phẩm theo quy định.

6. Tác động của cơ chế, chính sách khuyến khích các chủ thể sản xuất, kinh doanh tiêu thụ ca cao thông qua hợp tác xã:

Năm 2011, nhằm hỗ trợ nông dân trên địa bàn tỉnh phát triển ca cao, UBND tỉnh Đồng Nai đã phê duyệt Quyết định số 1209/QĐ-UBND ngày 17/5/2011 về Chương trình phát triển cây ca cao trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2015. Trong đó tập trung phát triển diện tích trồng ca cao tại các huyện có tiềm năng về đất đai như Tân Phú, Định Quán, Thống Nhất, Xuân Lộc, Trảng Bom, theo định hướng chỉ phát triển cây Ca cao trên cơ sở trồng xen với cây điều, cây lâm nghiệp và một số cây ăn trái thích hợp, không phát triển diện tích cây Ca cao trồng thuần. Theo đó, ngành nông nghiệp tỉnh đã chuyển giao 3.000 cuốn tài liệu hướng dẫn kỹ thuật trồng và chăm sóc ca cao cho bà con nông dân, tổ chức 35 lớp tập huấn về trồng, chăm sóc, phòng trị bệnh trên cây, tổ chức 10 cuộc hội thảo mô hình điển hình về trồng chăm sóc, thu hoạch, sơ chế ca cao, tổ chức 11 buổi tham quan học tập các mô hình tiên tiến trong và ngoài tỉnh; Hỗ trợ nông dân trồng mới 30ha (Tân Phú, Vĩnh Cửu, Trảng Bom, Xuân Lộc, Thống Nhất). Thông qua mô hình hỗ trợ đã hình thành các tổ hợp tác, câu lạc bộ ca cao, thông qua công tác khuyến nông về chuyển giao kỹ thuật, đa số nông dân đã vận dụng hiệu quả vào sản xuất, chất lượng vườn ca cao và năng suất tăng hơn hẳn so với trước đây. Tuy nhiên do sản xuất nhỏ lẻ, phân tán, người trồng ít quan tâm đầu tư, tình hình chế biến tiêu thụ ca cao chưa phát triển, giá cả thiếu ổn định, liên kết chưa được hình thành dẫn đến hiệu quả kinh tế lại không cao nên diện tích có xu hướng giảm.

Thực hiện Quyết định số 58/2014/QĐ-UBND, ngày 24/11/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai về chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn. Đến nay toàn tỉnh có 03 dự án liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm ca cao được UBND tỉnh phê duyệt với tổng diện tích thời điểm hiện tại 592,4 ha, 208 hộ tham gia. Chuẩn bị cho việc triển khai, chủ dự án đã phối hợp cùng các địa phương xúc tiến vận động thành lập mới hợp tác xã, củng cố các hợp tác xã hiện có nhằm tạo cầu nối, tạo chủ thể gắn kết mối quan hệ giữa doanh nghiệp và nông dân. Sau khi được phê duyệt, chủ dự án đã chủ động tổ chức triển khai thực hiện dự án thông qua các hợp tác xã: Hướng dẫn cho nông dân trồng mới, phát triển diện tích vùng nguyên liệu, hướng dẫn sản xuất theo quy trình và thu mua sản phẩm, cung ứng phân bón, thống nhất giá bán ca cao tại từng thời điểm. Hộ nông dân tham gia chuỗi liên kết thông qua các hợp tác xã đã chú trọng tổ chức phát triển sản xuất theo quy trình, tham gia các lớp tập huấn về kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; sản xuất theo hướng an toàn thực phẩm. Nhà nước đã ưu tiên bố trí vốn đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong vùng dự án để người dân phát triển sản xuất (giao thông nội đồng, điện hạ thế phục vụ sản xuất, kênh mương nội đồng). Mặc dù nguồn kinh phí hàng năm đều được bố trí để hỗ trợ cho các dự án đáp ứng theo mục tiêu dự án, tuy nhiên, nhìn chung tiến độ giải ngân kinh phí hỗ trợ sản xuất cho các hộ dân đạt tỷ lệ còn thấp do khó khăn trong vấn đề lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

7. Đánh giá chung về công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất, tiêu thụ ca cao và cung ứng vật tư nông nghiệp thông qua HTX.

7.1- Kết quả đạt được:

Trong những năm qua, nhờ có sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về phát triển ca cao theo hướng an toàn, ổn định, bền vững; sự phối hợp triển khai tích cực của các Sở, ngành, các địa phương nên việc sản xuất – kinh doanh ca cao đã đạt được kết quả đáng khích lệ.

Từ việc sản xuất chủ yếu là hình thức nông hộ, nhỏ lẻ, phân tán, thiếu tập trung, nông dân tự tìm kiếm nguồn cây giống, nguồn vật tư dẫn đến chất lượng sản phẩm không đồng đều, năng suất thấp. Đến nay đã hình thành 02 hợp tác xã, 17 Câu lạc bộ - Tổ hợp tác với khoảng 47,7% diện tích ca cao trên địa bàn tỉnh được tổ chức sản xuất, tiêu thụ thông qua hợp đồng kinh tế giữa doanh nghiệp với chủ thể đại diện cho nông hộ là hợp tác xã, năng suất ca cao đạt gấp 1,5 -1,7 lần so với trước đây.

Từ hạ tầng sản xuất thiếu đồng bộ, các hộ dân thiếu vốn đầu tư, thiếu kinh nghiệm sản xuất, đầu ra sản phẩm thiếu ổn định. Đến nay, cơ sở hạ tầng kỹ thuật trong vùng sản xuất tập trung ca cao được quan tâm đầu tư (đường trục chính nội đồng 100% được cứng hóa, đảm bảo xe cơ giới đi lại thuận tiện, công trình thủy lợi được đầu tư, nâng cấp, duy tu bảo dưỡng thường xuyên cơ bản đảm bảo tưới tiêu chủ động); đa phần hộ dân, doanh nghiệp khi tham gia dự án chuỗi liên kết được tiếp cận chính sách tín dụng về hỗ trợ phát triển sản xuất. Sản phẩm tham gia liên kết được doanh nghiệp cam kết bao tiêu toàn bộ sản phẩm.

Nhận thức của các thành phần kinh tế, đặc biệt là của người dân về vai trò ý nghĩa, tầm quan trọng của thành phần kinh tế tập thể trong thực hiện chuỗi liên kết sản xuất dần được nâng lên, chuyển dịch theo hướng từ sản xuất truyền thống, nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa lớn, liên doanh, liên kết.

7.2- Hạn chế, tồn tại và nguyên nhân:

Đội ngũ cán bộ quản lý, nhất là của Hội đồng quản trị các HTX hầu hết là lớn tuổi, trình độ chuyên môn còn yếu, không đồng đều, phần lớn chưa được đào tạo dài hạn, thiếu am hiểu sâu kiến thức về kinh tế thị trường, chưa thật sự năng động, chủ động trong công tác kinh doanh, nắm bắt không kịp thời diễn biến thị trường. Kết quả là nhiều hợp tác xã chưa xây dựng được phương án sản xuất kinh doanh; không áp dụng tiến bộ kỹ thuật, không liên kết với doanh nghiệp nên tiêu thụ sản phẩm khó khăn;

Phần lớn các hợp tác xã thiếu cơ sở vật chất phục vụ sản xuất, kinh doanh nghèo nàn, thiếu các tài sản, thiết bị thiết yếu để hoạt động và phục vụ sản xuất, kinh doanh như: trụ sở làm việc, kho, lò sấy, thiết bị máy nông nghiệp; thiếu nguồn vốn để đầu tư sản xuất kinh doanh nên không đủ nguồn lực để phát triển và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh do vậy yếu thế trong việc cạnh tranh với các thành phần kinh tế khác.

Các HTX ca cao mới chỉ thực hiện các dịch vụ đầu vào cho thành viên là chủ yếu; sự liên kết trong sản xuất, kinh doanh giữa thành viên với hợp tác xã và các thành viên với nhau còn lỏng lẻo, chưa chặt chẽ nên hiệu quả hoạt động thấp.

Hợp tác xã vai trò cầu nối với người dân còn yếu, doanh nghiệp chưa thực sự tích cực thu mua sản phẩm cũng như hướng dẫn hỗ trợ người dân lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước.

PHẦN II

MỤC TIÊU, PHƯƠNG ÁN XÂY DỰNG MÔ HÌNH THÍ ĐIỂM DOANH NGHIỆP - HỢP TÁC XÃ – NÔNG DÂN TIÊU THỤ CA CAO VÀ CUNG ỨNG VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

I. Mục tiêu xây dựng mô hình thí điểm

1. Sự cần thiết xây dựng mô hình:

- Mô hình liên kết “4 nhà” được triển khai trong thời gian qua đã tạo ra chuyển biến tích cực với hàng ngàn mô hình được thực hiện, giúp người dân phát triển sản xuất bền vững và cho ra đời những sản phẩm nông nghiệp có thương hiệu, bước đầu các mô hình đã tạo nền tảng liên kết giữa doanh nghiệp với nông dân, bảo đảm đầu ra cho nông sản có thị trường tiêu thụ ổn định. Tuy nhiên, liên kết chưa đủ mạnh. Nguyên nhân là do doanh nghiệp trong nông nghiệp còn ít; những doanh nghiệp thực sự muốn liên kết có năng lực về tài chính, kho tàng, cơ sở chế biến có thể liên kết và thực hiện liên kết không nhiều. Các hình thức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp phát triển chậm và nếu đã hình thành thì cũng chưa đủ mạnh để đảm nhận vai trò trung gian gắn kết nông dân với doanh nghiệp. Nhận thức về vai trò của từng nhà trong liên kết “4 nhà” còn hạn chế. Tình trạng một trong các bên tham gia đơn phương phá vỡ hợp đồng còn khá phổ biến.

- Cây ca cao Việt Nam đang đứng trước cơ hội mới. Mức sống được cải thiện và sự gia tăng tầng lớp trung lưu ở các nền kinh tế mới nổi như Ấn Độ, Brazil hay Trung Quốc dẫn đến nhu cầu tiêu thụ sô-cô-la ngày càng tăng. Trong khi đó, nguồn cung ca cao thế giới không ngừng giảm do các yếu tố về sự già cỗi của vườn cây, thời tiết bất thường, sâu bệnh, đặc biệt là tại Tây Phi và Indonesia. Giá ca cao vì thế đã liên tục tăng mạnh trong thời gian qua. Theo thống kê của các tổ chức nghiên cứu hàng hóa có uy tín, trong thời gian qua, ca cao hiện là một trong số ít những nông sản duy trì mức giá cao ổn định, trong khi hầu hết các nông sản khác đều ở chu kỳ giảm giá. Giá ca cao được kỳ vọng sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao và ổn định trong nhiều năm tới.

Việt Nam có khí hậu, thổ nhưỡng rất thích hợp để phát triển mạnh cây ca cao. Bên cạnh đó, nông dân Việt Nam cũng được đánh giá là nhanh nhạy trong nắm bắt và tiếp thu kỹ thuật mới. Trong thời gian qua, với sự hỗ trợ của các tổ

chức Chính phủ, các công ty tư nhân như Mars, Cargill, Puratos Grand Place, Cao Nguyen Xanh ... đã có nhiều nông dân trồng cây ca cao thành công cho năng suất 2 đến 3kg hạt khô/cây.

Cây ca cao được đánh giá đặc biệt phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng vùng Đông Nam bộ, trong đó có Đồng Nai. Trước những năm 90 của thế kỷ trước, diện tích ca cao tại Đồng Nai ước tính khoảng 800 ha, là nguồn thu nhập quan trọng của bà con nông dân do có thị trường tiêu thụ ổn định là các nước Đông Âu.

Tuy nhiên đến sau nửa cuối thập niên 90, cây ca cao mất dần chỗ đứng, không có thị trường tiêu thụ, nông dân bắt đầu chặt hạ, thay thế bằng cây trồng khác. Theo thống kê đến năm 2017, diện tích ca cao ở Đồng Nai từ 1.138,8 ha năm 2012 đã giảm chỉ còn khoảng 376,6 ha.

Việc liên kết tạo lập vùng nguyên liệu giữa doanh nghiệp và người nông dân đã được thực hiện từ những năm 2004 – 2005. Tuy nhiên, thời điểm ban đầu việc liên kết gặp rất nhiều khó khăn do kiến thức trồng, chăm sóc cây ca cao còn hạn chế và nhất là nông dân chưa thực sự tin vào hiệu quả của loại cây này. Do đó ngoài việc từng bước tìm hiểu, làm chủ được cây trồng thì tạo lập niềm tin trong chuỗi liên kết nông dân với doanh nghiệp là điều cốt yếu.

Hiện nay, diện tích ca cao tại Đồng Nai đã tăng lên khoảng 400 ha, dù chưa bằng trước đây nhưng đã cho thấy sự tăng trưởng rất đáng kể. Toàn bộ diện tích này đều nằm trong chuỗi liên kết thuộc dự án "Cánh đồng lớn hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ ca cao trên địa bàn huyện Thống Nhất, Định Quán và Tân Phú, tỉnh Đồng Nai" được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt năm 2015.

Theo các doanh nghiệp thu mua, chế biến ca cao, người trồng ra trái quyết định về chất lượng để làm ra trái ca cao ngon nhất. Nhưng vai trò đó sẽ không thực hiện được nếu không có doanh nghiệp.

Năm 2015, khi dự án cánh đồng lớn cây ca cao được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt cũng là lúc những khó khăn của cây ca cao dần được tháo gỡ. Trước đây, cả doanh nghiệp và nông dân đều gặp khó từ việc tiếp cận nguồn vốn, tìm thị trường tiêu thụ và quan trọng là lòng tin của nông dân vào giá trị và sự bền vững của cây ca cao. Đến khi dự án được phê duyệt, lần lượt các cơ quan quản lý ngành như nông nghiệp, công thương, ngân hàng bắt tay vào tham gia cùng nông dân, doanh nghiệp tìm hướng đi, các khó khăn dần được loại bỏ. Đây là điểm mấu chốt giúp dự án cánh đồng lớn cây ca cao đạt được thành công. Tuy nhiên, trong việc thực hiện liên kết giữa doanh nghiệp với các hợp tác xã, nông dân sản xuất ca cao đã nảy sinh một số vấn đề tự bản thân doanh nghiệp và nhóm sản xuất chưa giải quyết được. Hợp đồng liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân vẫn rất dễ bị phá vỡ khi xảy ra tình trạng cạnh tranh không lành mạnh trong thu mua ca cao. Hợp đồng liên kết cam kết chính sách đầu tư giống, phân bón, hỗ trợ kỹ thuật cho nông dân và bao tiêu sản phẩm của nông dân với mức giá ổn định. Nhưng khi có doanh nghiệp bên ngoài “nhảy” vào, trả giá cao hơn để cạnh tranh thu mua, nông dân sẵn sàng phá vỡ liên kết. Vì chỉ mua đứt bán

đoạn nên khi gặp cảnh ca cao dội chợ, rớt giá, họ không thu mua nữa, bỏ rơi nông dân. Tình trạng cạnh tranh không lành mạnh này đã và đang gây khó khăn không ít cho doanh nghiệp thu mua, đầu tư dự án chế biến ca cao tại địa phương. Bên cạnh đó hầu hết sản phẩm nông nghiệp của tỉnh trong đó có ca cao chưa hình thành được mối liên kết giữa nông dân, hợp tác xã với các nhà cung ứng vật tư nông nghiệp, chủ yếu mua tại các đại lý kinh doanh vật tư nông nghiệp.

Dự kiến diện tích cây ca cao ở Đồng Nai trong thời gian tới sẽ tiếp tục tăng, đạt khoảng 2.000 ha, trở thành vùng nguyên liệu quan trọng, bền vững cho ngành chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm từ cây ca cao. Để góp phần bảo đảm cây ca cao phát triển ổn định, bền vững trong đó khâu tiêu thụ cần phải đặc biệt quan tâm, làm thế nào để nông dân, hợp tác xã tiêu thụ ca cao được thuận lợi, giá cả hợp lý nhằm tăng thu nhập cho nông dân, thành viên hợp tác xã, doanh nghiệp có nguồn nguyên liệu cho chế biến ổn định, bền vững là điều cần thiết... Cần tìm hiểu những thuận lợi, khó khăn, những nguyên nhân, hạn chế, tồn tại trong quá trình triển khai các dự án liên kết hiện nay, trên cơ sở đó tìm ra những giải pháp khắc phục và phát triển. Đó cũng là lý do, chúng ta xây dựng “Mô hình liên kết doanh nghiệp – hợp tác xã – nông dân về tiêu thụ ca cao và cung ứng vật tư nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”.

2. Căn cứ xây dựng mô hình:

2.1- Văn bản trung ương ban hành

- Nghị định 151/2007/NĐ-CP ngày 10/10/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Tổ Hợp tác.

- Thông tư số 04/2008/TT-BKH ngày 9/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10/10/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác;

- Nghị định 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã; Nghị định 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/NĐ-CP;

- Quyết định 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015-2020;

- Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Nghị định 116/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP;

- Thông tư số 10/2015/TT-NHNN ngày 22/7/2015 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 55/2015/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

- Quyết định số 23/2017/QĐ-TTg ngày 22/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 246/2006/QĐ-TTg ngày 27/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác

xã và ban hành Quy chế hoạt động bảo lãnh tín dụng, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã;

- Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

- Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 27/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020.

- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông;

- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

2.2- Các văn bản do tỉnh Đồng Nai ban hành

- Quyết định số 869/QĐ-UBND ngày 13/4/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Đồng Nai theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về mức hỗ trợ trong việc áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (Viet Gap) trong nông nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 1130/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2017-2020;

- Quyết định số 34/2018/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND;

- Quyết định số 2014/QĐ-UBND ngày 13/6/2018 của UBND tỉnh về Phê duyệt Đề cương và dự toán kinh phí Dự án xây dựng mô hình thí điểm Doanh nghiệp – Hợp tác xã – Nông dân tiêu thụ nông sản và cung ứng vật tư nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

3. Mục tiêu của mô hình

3.1- Mục tiêu chung:

Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã và thành viên hợp tác xã, nông dân tiêu thụ sản phẩm cao thông qua hợp đồng liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm cao. Thông qua hợp đồng tiêu thụ, bước đầu gắn trách nhiệm các doanh nghiệp kinh doanh, chế biến cao với thành viên hợp tác xã, nông dân. Đối với thành viên hợp tác xã, nông dân: an tâm sản xuất do sản phẩm được bao tiêu với giá cả hợp lý, có điều kiện tiếp nhận hỗ trợ về đầu tư, áp dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh tăng năng suất, chất lượng, tạo ra nguồn hàng chất lượng góp phần nâng cao thu nhập. Đối với doanh nghiệp: chủ động trong xây

dựng kế hoạch kinh doanh, mở rộng quy mô tiêu thụ, tăng cường năng lực cạnh tranh do có nguồn cung nguyên liệu ổn định, có chất lượng, giảm chi phí sản xuất, chi phí giao dịch. Đối với hợp tác xã: làm ăn có hiệu quả, góp phần tích cực nâng cao đời sống người dân và làm giàu cho xã hội.

3.2- Mục tiêu cụ thể

- Tập hợp và thu hút các thành viên hợp tác xã, người trồng ca cao trong và ngoài tỉnh tham gia mô hình; tăng thu nhập tối đa cho người nông dân trồng ca cao dưới tán điều, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, gia tăng giá trị sản xuất trong vùng dự án.

- Hỗ trợ, trao đổi, học tập kinh nghiệm về kỹ thuật canh tác, tổ chức quản lý sản xuất đáp ứng yêu cầu thị trường; sơ chế, phân loại ca cao, công nghệ bảo quản sau thu hoạch.

- Hình thành, tạo liên kết lâu dài bền vững và nhân rộng mô hình liên kết doanh nghiệp – hợp tác xã – nông dân về tiêu thụ ca cao và cung ứng vật tư nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

II. Phương án xây dựng mô hình thí điểm:

1. Lựa chọn mặt hàng đưa vào mô hình thí điểm.

1.1. Mặt hàng ca cao

Như đã trình bày trên, tiềm năng, triển vọng của cây ca cao trong thời gian tới là rất lớn. Tại Đồng Nai, qua khảo sát, hiện có rất nhiều nông dân muốn trồng xen canh cây ca cao trên vùng đất đang canh tác của họ vì cây ca cao bây giờ không còn là cây “xóa đói giảm nghèo” mà đã trở thành loại cây có thể giúp nông dân có thu nhập cao hơn, cuộc sống ổn định hơn, thậm chí có thể “làm giàu” thông qua việc trồng xen canh. Đã có nhiều doanh nghiệp rất tâm huyết với cây ca cao và luôn tìm cách gắn bó, củng cố, phát triển mối liên kết với người nông dân/thành viên hợp tác xã để cùng họ “làm giàu”, đó là Công ty Ca cao Trọng Đức (huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai), Công ty TNHH Đầu tư phát triển nông nghiệp Nguyên Lộc (thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai), Công ty TNHH MTV Đồi Đá (xã Phú An) huyện Tân Phú. Dự án cánh đồng lớn hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ ca cao trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đã có, tuy nhiên quá trình triển khai cũng còn khó khăn, vướng mắc, cần có những giải pháp khắc phục hiệu quả, đây là nguyên nhân lựa chọn mặt hàng ca cao đưa vào Dự án xây dựng mô hình thí điểm để bảo đảm việc hợp tác, liên kết giữa doanh nghiệp và người sản xuất ngày càng chặt chẽ hơn, góp phần thực hiện quá trình sản xuất - kinh doanh bền vững.

1.2. Mặt hàng vật tư nông nghiệp cần cung ứng.

Phân bón là thức ăn của cây trồng, nguồn dinh dưỡng chủ yếu cho cây phát triển. Để tăng năng suất, chất lượng, đạt hiệu quả kinh tế, nâng cao thu nhập cho nông dân thì phân bón là một trong những nhân tố quan trọng. Qua khảo sát thực tế cũng như theo các báo cáo kết quả khảo nghiệm về ảnh hưởng của phân bón (loại phân, liều lượng bón...) đối với năng suất cây ca cao cho

thấy, chi phí phân bón chiếm khoảng 40% giá thành sản xuất ca cao (còn tùy thuộc giá cả sản phẩm cao hay thấp). Tại Đồng Nai, các loại phân bón sử dụng trong chăm sóc cây ca cao là đạm, lân, ka li. Các hộ mua từng loại và tự trộn theo tỷ lệ được hướng dẫn kết hợp với kinh nghiệm đã có để bón cho cây. Hiện trên thị trường đã có phân bón tổng hợp chuyên dùng cho cây ca cao của Công ty Java ở Hà Nội nhưng giá cao, nông dân không chọn mua mà sử dụng phân tự trộn mặc dù biết sử dụng phân tổng hợp hiệu quả cao hơn do không có đủ vốn. Một số loại thuốc bảo vệ thực vật phòng, trừ các bệnh trên cây ca cao như: sâu đục thân, khô thân, thối trái, loét thân, cháy lá,.....có sử dụng nhưng chi phí không đáng kể. Trong quan hệ với doanh nghiệp cung ứng vật tư nông nghiệp, nông dân rất mong muốn có nguồn cung ứng vật tư uy tín, tập trung và sẵn sàng đón nhận với điều kiện thỏa thuận phương thức, thời gian thanh toán với nhà cung ứng.

Trên địa bàn tỉnh Đồng Nai hiện có khoảng 1.371 doanh nghiệp, cơ sở (gọi chung là cơ sở) kinh doanh buôn bán vật tư nông nghiệp, trong đó: phân bón: 495, thuốc bảo vệ thực vật: 481, giống các loại: 395, đã tạo điều kiện rất thuận lợi cho người nông dân sử dụng. Qua khảo sát, giá cả các sản phẩm cùng loại được bán tại các cơ sở tuy có chênh lệch nhưng không đáng kể (dưới 1%).

2. Lựa chọn chủ thể tham gia mô hình thí điểm

2.1. Những căn cứ lựa chọn Doanh nghiệp

a) Doanh nghiệp tiêu thụ ca cao:

Qua khảo sát các doanh nghiệp kinh doanh ca cao trên địa bàn tỉnh, mô hình xem xét lựa chọn những doanh nghiệp có năng lực về vốn, về cơ sở vật chất đảm bảo yêu cầu, kinh doanh ổn định nhiều năm, trong đó ưu tiên xem xét đối với những doanh nghiệp có hoạt động chế biến/xuất khẩu và đi đầu trong việc củng cố và phát triển mở rộng thị trường trong/ngoài nước, có mạng lưới thu mua rộng khắp, thực sự quan tâm và có điều kiện hỗ trợ hợp tác xã trong việc thực hiện mô hình.

Công ty TNHH ca cao Trọng Đức được thành lập từ năm 2005 và đồng hành cùng người nông dân tại tỉnh Đồng Nai từ đó đến nay. Địa chỉ trụ sở chính: 2, Khu dân cư 16, ấp 4, xã Phú Hòa, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Hiện nay dự án trồng cây ca cao ở tỉnh Đồng Nai đang tiếp tục trên đà phát triển rộng lớn và để cho dự án này phát triển bền vững và lâu dài Công ty đã mạnh dạn cho ra đời các sản phẩm được chiết xuất từ ca cao như: sô cô la, bột ca cao, rượu ca cao, rượu vang.. nhằm giúp bà con an tâm củng cố, chăm sóc cũng như phát triển cây ca cao trên vùng đất mới.

Một số chỉ tiêu liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp trong ba năm gần đây như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
----------	----------	----------	----------

- Diện tích trồng ca cao của dự án (ha)	134,2	242	376,2
- Doanh thu (tỷ đồng)	32	46	60
<i>Trong đó: + Doanh thu bán sản phẩm CB</i>	11	13	24
<i>+ Doanh thu bán ca cao hạt.</i>	21	33	36
- Kim ngạch xuất khẩu (USD)	22.000	800.000	30.000

Thị trường xuất khẩu chính là Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc.

Định hướng thị trường tiêu thụ của Công ty trong thời gian tới là xuất khẩu vào 2 thị trường Nhật Bản và Hàn Quốc với 02 sản phẩm bơ ca cao và ca cao mát. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm của 02 thị trường này là Công ty phải thực hiện quản lý sản xuất theo tiêu chuẩn ISO và sản phẩm đạt tiêu chuẩn UTZ, với 2 tiêu chuẩn này Công ty đều đạt và đã được cấp giấy chứng nhận. Với thị trường trong nước, ngoài việc tổ chức tiêu thụ sản phẩm chế biến từ ca cao như sô cô la, rượu ca cao.... như hiện nay, trong thời gian tới, Công ty sẽ tập trung vào phát triển dịch vụ du lịch để phục vụ du khách đến tham quan, mua và tiêu dùng tại chỗ sản phẩm của Công ty. Hiện bình quân một tháng Công ty đón khoảng 4.200 lượt khách, dự kiến sẽ tăng lên 10.000 đến 12.000 lượt khách/tháng trong những năm tiếp theo. Để thực hiện đạt mục tiêu này, Công ty đang đầu tư mở rộng cơ sở tiếp đón khách du lịch, showroom, điểm bán hàng, quy hoạch vườn ca cao phục vụ du khách tham quan,... Quy mô doanh số dự kiến tăng bình quân 40%/năm.

Công ty TNHH Ca cao Trọng Đức định hướng phát triển sản xuất theo hình thức chế biến sâu các sản phẩm từ ca cao. Công ty đã xây dựng nhà máy chế biến chocolate. Nhằm đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm từ ca cao của Công ty như: rượu ca cao, chocolate, bột ca cao,... Công ty Trọng Đức đã chủ động phát triển mở rộng các kênh tiêu thụ, quảng bá sản phẩm như: Hợp tác với đối tác là Công ty Ca cao KEN (doanh nghiệp của Nhật Bản) để phát triển nhà máy sản xuất chocolate nhằm xuất khẩu sang Nhật Bản.

Nhờ đó, hiện cơ sở hạ tầng phục vụ chế biến sâu được Công ty TNHH Ca cao Trọng Đức được đầu tư đầy đủ, phù hợp và đạt với chứng nhận tiêu chuẩn UTZ Certified (chương trình và nhãn cho canh tác bền vững) với 04 khu vực tách biệt nhưng liên kết với nhau bao gồm: Khu vực trữ trái, khu vực móc hạt, khu ép nước (bao gồm 04 máy ép bán tự động) và khu vực lên men.

Doanh nghiệp này sản xuất 03 loại sản phẩm chính bao gồm: Sản xuất rượu; sản xuất bột ca cao; sản xuất sô cô la. Với mỗi loại sản phẩm đều được Công ty TNHH Ca cao Trọng Đức đầu tư trang thiết bị hiện đại, phù hợp phục vụ sản xuất các sản phẩm của doanh nghiệp này, cụ thể:

- Sản xuất rượu bao gồm: Hệ thống xử lý nước RO, hệ thống hơi nóng, hệ thống máy nén lạnh, hệ thống nấu và hệ thống chiết.
- Sản xuất bột ca cao bao gồm: Máy lọc tinh, máy ép bơ, máy đập bột, máy cán bột và máy ray.
- Sản xuất sô cô la bao gồm: Máy chém hạt, máy trộn, máy nghiền và máy nóng lạnh.

Tham gia mô hình, Công ty TNHH ca cao Trọng Đức mong muốn được bao tiêu toàn bộ sản phẩm ca cao trái của hợp tác xã/nông dân trong và ngoài Dự án cánh đồng lớn. Việc thu mua sẽ thực hiện qua hợp đồng ký kết giữa doanh nghiệp với các hợp tác xã là tổ chức đại diện của nông dân. Các yêu cầu của doanh nghiệp về số lượng, chất lượng, quy cách trái, thời gian thu mua, giá mua cũng như các chế tài liên quan đến việc quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm giữa 2 bên sẽ được quy định cụ thể tại hợp đồng, trong đó một nội dung quan trọng về giá mua là Công ty không mua thấp hơn mức giá sàn (4.000 đồng/kg) đã được UBND tỉnh phê duyệt trong trường hợp quy cách trái đạt từ 200 gram/trái trở lên.

Nhìn chung doanh nghiệp định hướng cụ thể trong việc phát triển sản xuất ca cao gắn với công tác chế biến sâu là thế mạnh, tiềm năng và chú trọng phát triển trong thời gian tiếp theo. Trong đó, đầu tư đồng bộ các hệ thống trang thiết bị hiện đại, phù hợp, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất và đây được doanh nghiệp này xem là tiền đề cho sự thành công của một chuỗi giá trị khép kín thông qua việc sản xuất các sản phẩm chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh trên thị trường góp phần nâng cao giá trị sản phẩm ca cao của doanh nghiệp, trên cơ sở đó chia sẻ lợi nhuận cùng nông dân.

Công ty TNHH Ca Cao Trọng Đức là doanh nghiệp đầu tiên tại Việt Nam được tổ chức UTZ Certified cấp chứng nhận cho sản phẩm làm từ ca cao ngoài sản phẩm hạt ca cao khô đã được cấp chứng nhận.

Sau khi trao đổi, Công ty TNHH ca cao Trọng Đức thống nhất sẽ tham gia vào mô hình thí điểm doanh nghiệp – hợp tác xã– nông dân tiêu thụ ca cao và cung ứng vật tư trên địa bàn Đồng Nai.

b) Doanh nghiệp cung ứng vật tư nông nghiệp (chủ yếu là phân bón):

Tập Đoàn Con Cò Vàng là một trong những thương hiệu uy tín hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực nông nghiệp và là bạn đồng hành không thể thiếu của nhà nông.

Tập Đoàn Con Cò Vàng chuyên sản xuất các loại phân bón NPK đa dinh dưỡng thế hệ mới phục vụ nông nghiệp, các loại phân hữu cơ có nguồn gốc 100% từ thiên nhiên, các loại phân lân canxi, các loại phân đặc chủng như kali silic, đạm S Bo và các dòng sản phẩm phân bón NPK Silic của Tập Đoàn Con Cò Vàng chuyên dùng tốt nhất cho cây lúa, cây rau quả, cây ăn trái ... Tập Đoàn Con Cò Vàng tọa lạc tại Lô 5 – Khu công nghiệp Gò Dầu - Phước Thái - Long Thành - Đồng Nai - Việt Nam với tổng diện tích 11ha.

Hiện Công ty TNHH ca cao Trọng Đức đã ký hợp đồng với Tập đoàn Con Cò Vàng cung cấp phân bón cho nông dân, trong đó Công ty Trọng Đức sẽ đứng ra bảo đảm cho nông dân vay 50% trả chậm trong 3 tháng (theo quy trình 3 tháng bón phân một lần). Để thực hiện chương trình tín dụng phân bón trả chậm, Công ty chấp nhận rủi ro trong quá trình thu hồi nợ. Công ty cũng hỗ trợ 500đ/kg phân cho các hợp tác xã, tổ hợp tác tham gia Dự án cánh đồng lớn nhằm giúp cho các nông hộ chưa có điều kiện đầu tư thâm canh giảm áp lực về vốn, có nguồn vật tư đầu vào ổn định, tăng hiệu quả sản xuất. Tính đến nay, Công ty đã phối hợp với Tập đoàn Con Cò Vàng cung cấp 67.750kg phân bón cho nông dân, trong đó trong vùng Dự án 49.100kg, vùng ngoài Dự án 16.650 kg (Trảng Bom, Xuân Lộc). Qua kết quả hợp tác giữa Công ty với Tập đoàn, mô hình đã mời Tập đoàn Con Cò Vàng tham gia Dự án mô hình thí điểm và sẽ thực hiện cung ứng phân bón cho thành viên hợp tác xã/nông dân thông qua các hợp tác xã.

Về thuốc bảo vệ thực vật: nhu cầu sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất ca cao không đáng kể, bằng khoảng 1% so với nhu cầu phân bón, do đó chủng loại hàng hóa này nông dân sẽ chủ động mua tại các đại lý kinh doanh vật tư nông nghiệp (Tại hội nghị “Phân bón và Thuốc vào vệ thực vật” do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Ban Kinh tế Trung ương tổ chức ngày 27/7/2018 tại Hà Nội, mỗi năm Việt Nam nhu cầu sử dụng khoảng 11 triệu tấn phân bón các loại; trong đó, phân bón vô cơ chiếm khoảng 90% nhu cầu. Thuốc bảo vệ thực vật mỗi năm sử dụng trung bình 100.000 tấn).

2.2- Những căn cứ để lựa chọn hợp tác xã – thành viên hợp tác xã, hộ nông dân:

a) Hợp tác xã ca cao Thống Nhất: địa chỉ 253 khu 3, ấp Hưng Nghiệp, xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; thành lập ngày 13/10/2014 với 9 thành viên chính thức, trong đó có thành viên Công ty TNHH ca cao Trọng Đức, tỷ lệ vốn góp 20% và 52 thành viên liên kết, diện tích sản xuất 50 ha. Sản lượng ca cao năm 2017 đạt 251 tấn. Công ty tham gia quản trị HTX và chuyển giao công nghệ, kỹ thuật cho HTX sản xuất, kinh doanh.

b) Hợp tác xã ca cao Định Quán: địa chỉ khu 2, ấp 9, xã Gia Canh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai; thành lập ngày 21/11/2014 với 18 thành viên chính thức, 16 thành viên liên kết, diện tích sản xuất 98 ha. Sản lượng ca cao năm 2017 đạt 200 tấn.

Các hợp tác xã sau khi đi vào hoạt động là làm tốt vai trò là tổ chức đại diện của nông dân trong việc gắn kết giữa doanh nghiệp với các nông hộ, tạo điều kiện thuận lợi để 2 bên có được tiếng nói chung trong quá trình triển khai dự án cánh đồng lớn. Ngoài ra, với sự nhiệt tình, năng nổ, có kinh nghiệm và nhiều năm được thành viên hợp tác xã tín nhiệm... của Ban Giám đốc hợp tác xã, cùng với yếu tố thuận lợi về mặt địa lý, chúng tôi đã lựa chọn HTX ca cao Thống Nhất, HTX ca cao Định Quán tham gia vào mô hình thí điểm doanh nghiệp – hợp tác xã – nông dân tiêu thụ ca cao và cung ứng vật tư trên địa bàn Đồng Nai.

Các hợp tác xã/ nông dân xác định tham gia Dự án mô hình thí điểm là nhu cầu cấp thiết vì họ đã thấy được lợi ích, hiệu quả khi tham gia Dự án cánh đồng lớn trong hơn 3 năm qua, đó là được doanh nghiệp bao tiêu toàn bộ sản phẩm, được tập huấn kỹ thuật, giá bán sản phẩm luôn đảm bảo có lãi.... Việc bán sản phẩm cho doanh nghiệp cũng được thực hiện theo hợp đồng với đầy đủ các điều, khoản quy định quyền, nghĩa vụ của các bên, chế tài thực hiện hợp đồng... Trong quan hệ với doanh nghiệp cung ứng vật tư nông nghiệp, các hợp tác xã/nông dân mong muốn được cung ứng vật tư kịp thời, đúng chủng loại, đảm bảo chất lượng, giá cả hợp lý với thời gian và phương thức thanh toán phù hợp với mùa vụ thu hoạch. Nếu trong phạm vi khả năng của doanh nghiệp, các hợp tác xã/nông dân mong muốn được doanh nghiệp cung ứng vật tư nông nghiệp chấp thuận chậm trả tiền vật tư 1 năm, không phải 6 tháng như hiện nay.

3. Nhiệm vụ của các chủ thể tham gia mô hình:

Hai chủ thể quan trọng nhất trong mô hình là doanh nghiệp và thành viên hợp tác xã, nông dân; mô hình chỉ vận hành bền vững khi có lợi ích kinh tế hài hòa và khi cùng hợp tác với nhau. Hợp tác xã là trung tâm, đầu mối, cầu nối của mọi hoạt động tiêu thụ nông sản và cung ứng vật tư nông nghiệp; vừa là người đại diện (theo ủy quyền) của thành viên hợp tác xã, nông dân giao kết hợp đồng với các doanh nghiệp; vừa là người thực hiện các hợp đồng đã ký kết; vừa là người đôn đốc, hướng dẫn, giúp đỡ thành viên hợp tác xã, nông dân trong quá trình sản xuất, thu hoạch, giao nhận sản phẩm theo hợp đồng; vừa là người theo dõi, kiểm tra việc thực hiện hợp đồng của các doanh nghiệp.

Doanh nghiệp liên hệ thường xuyên với hợp tác xã và cơ quan chủ trì dự án theo dõi, đôn đốc kiểm tra việc thực hiện hợp đồng theo đúng tiến độ, đồng thời phản ánh, đề xuất các biện pháp cần thiết để việc thực hiện hợp đồng đã ký. Các thành viên hợp tác xã, hộ nông dân phải thường xuyên thực hiện tốt các yêu cầu của hợp tác xã nhằm đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng mà hợp tác xã đã ký kết với doanh nghiệp. Cụ thể:

3.1- Công ty TNHH ca cao Trọng Đức:

a) Nhiệm vụ chung:

- Tiếp tục nghiên cứu, đa dạng hóa chủng loại sản phẩm chế biến từ ca cao, phát triển, mở rộng thị trường tiêu thụ nhằm đẩy mạnh việc tiêu thụ ca cao thông qua hợp đồng;

- Tổ chức mạng lưới thu gom, vận chuyển, bảo quản, chế biến đạt năng suất, hiệu quả nhằm hạn chế chi phí, thiệt hại cho doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân.

b) Đối với vùng Dự án cánh đồng lớn

- Ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm cho thành viên hợp tác xã, nông dân thông qua hợp tác xã theo giá thị trường tại thời điểm ký kết, đồng thời cam kết thực hiện thu mua theo giá sàn trong trường hợp giá thị trường xuống thấp.

- Phối hợp với hợp tác xã làm việc với đơn vị cung ứng vật tư nông nghiệp, thỏa thuận phương thức cung ứng vật tư cho dân, đảm bảo cung ứng đầy đủ, kịp thời các chủng loại vật tư đạt chất lượng cho việc chăm sóc cây ca cao.

- Làm việc với đơn vị cung ứng vật tư nông nghiệp, thỏa thuận phương thức cung ứng vật tư cho dân, đảm bảo cung ứng đầy đủ, kịp thời các chủng loại vật tư đạt chất lượng cho việc chăm sóc cây ca cao.

- Có chính sách chia sẻ rủi ro với nông dân khi có thiên tai, dịch bệnh trong vùng dự án như: chính sách bảo hộ giá sản thu mua ca cao, chính sách hỗ trợ kỹ thuật chăm sóc, kỹ thuật sau thu hoạch trái ca cao, hỗ trợ giống trồng mới khi thiên tai lũ lụt ảnh hưởng đến diện tích trồng mới của nông dân.

- Công ty, ngân hàng thương mại, hợp tác xã sẽ ký hợp đồng tay ba về đầu tư trồng mới, cải tạo, thâm canh trong vùng dự án để các thành viên hợp tác xã hợp tác xã ca cao trực tiếp vay vốn ngân hàng thực hiện.

- Hợp tác với các tổ chức, cá nhân, nhà khoa học có kinh nghiệm và có uy tín để đầu tư xây dựng vườn ươm giống ca cao đạt chuẩn quốc gia cung ứng cho vùng nguyên liệu.

- Cung ứng cây giống theo kế hoạch đăng ký hàng năm cho các hộ trồng cây ca cao trong vùng dự án để trồng mới và chịu trách nhiệm bảo đảm về chất lượng cây giống.

- Phối hợp với các đơn vị chức năng thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, các địa phương để tăng cường hỗ trợ cho nông dân thông qua các chương trình khuyến nông, hội thảo, tập huấn tuyên truyền phổ biến ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào từng thời điểm thích hợp như: trồng mới, chăm sóc, cải tạo, thâm canh, xây dựng các mô hình trình diễn cho nông dân để người nông dân an tâm sản xuất và đầu tư lâu dài.

- Phối hợp với UBND các huyện: Tân Phú, Định Quán, Thống Nhất để ký kết hợp đồng với các hợp tác xã/thành viên hợp tác xã thực hiện kế hoạch trồng mới, cải tạo, thâm canh cây ca cao hàng năm.

- Phối hợp với các địa phương để tuyên truyền vận động các chính sách đầu tư của Công ty, đồng thời tuyên truyền, vận động nông dân trồng cây ca cao tham gia vào các hợp tác xã ca cao nhằm đổi mới phương thức sản xuất, nâng cao tính cạnh tranh, giảm rủi ro....

- Phối hợp với các hợp tác xã để tổ chức thu mua sản phẩm cho thành viên hợp tác xã trong vùng dự án.

c) Đối với vùng ngoài Dự án cánh đồng lớn

- Định hướng nhu cầu, thời điểm thu hoạch; bàn bạc với hợp tác xã xây dựng kế hoạch sản xuất và thông báo cho thành viên hợp tác xã, nông dân biết, đăng ký tham gia, thực hiện ký hợp đồng tiêu thụ với các hợp tác xã/ nông dân và giữ đúng các cam kết trong hợp đồng đã ký.

- Có nghĩa vụ thông tin kịp thời cho đối tác biết nhu cầu của thị trường, khách hàng về số lượng, phẩm chất, giá cả,... và định ra kế hoạch thu mua và tiêu thụ sản phẩm cho từng thời điểm. Dự báo các rào cản thách thức của thị trường (nếu có) cho người sản xuất biết.

3.2- Tập đoàn Con Cò Vàng

Ký hợp đồng cung cấp phân bón cho thành viên hợp tác xã/nông dân thông qua các hợp tác xã dưới sự chứng kiến của Công ty TNHH ca cao Trọng Đức, đảm bảo cung ứng đầy đủ, kịp thời các chủng loại phân bón đạt chất lượng cho việc chăm sóc cây ca cao.

3.3- Các hợp tác xã: ca cao Thống Nhất, ca cao Định Quán

- Xây dựng kế hoạch hàng năm để thống nhất với Công ty TNHH Ca cao Trọng Đức triển khai các nội dung liên quan đến dự án và hợp đồng đã ký với Công ty.

- Phối hợp với Công ty TNHH ca cao Trọng Đức, các cơ quan liên quan xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức khoa học kỹ thuật cho thành viên hợp tác xã.

- Được đại diện nông dân ký kết hợp đồng bán sản phẩm cho Công ty TNHH ca cao Trọng Đức.

- Phối hợp Công ty TNHH ca cao Trọng Đức tổ chức thu mua ca cao ngoài vùng dự án.

- Phối hợp với Công ty ca cao Trọng Đức và Tập đoàn Con Cò Vàng cung ứng vật tư nông nghiệp (phân bón, giống...) để đầu tư cho nông dân.

- Chịu trách nhiệm việc thực hiện hợp đồng của các thành viên hợp tác xã.

- Phối hợp với Công ty ca cao Trọng Đức, các đơn vị liên quan triển khai các chính sách của nhà nước, của doanh nghiệp đến các thành viên hợp tác xã.

- Phối hợp với các thành viên hợp tác xã để thống nhất với Công ty TNHH ca cao Trọng Đức trong việc xây dựng kế hoạch hàng năm để triển khai các nội dung liên quan đến dự án; trong việc thoả thuận giá bán cụ thể cho từng thời điểm. Phối hợp kiểm tra, giám sát việc giao nhận sản phẩm, thanh toán... giữa nông dân, thành viên hợp tác xã và doanh nghiệp theo các điều khoản đã ký trong hợp đồng.

- Định kỳ tổ chức họp để cùng nhau đánh giá quá trình sản xuất và kịp thời phản ánh các vấn đề bất thường xảy ra trong quá trình sản xuất để cùng với doanh nghiệp và các ngành chức năng có hướng giải quyết. Làm trung gian hòa giải, tham gia giải quyết khi có xảy ra tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng đã ký.

3.4- Đối với các hộ trồng ca cao

Các thành viên, hộ nông dân đã ủy quyền cho hợp tác xã tham gia vào mô hình thí điểm phải thường xuyên thực hiện tốt các yêu cầu của hợp tác xã nhằm

đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng mà hợp tác xã đã ký kết với doanh nghiệp.
Cụ thể:

a) Đối với vùng Dự án cánh đồng lớn

- Triển khai thực hiện các nội dung của Dự án theo hợp đồng đã được ký kết giữa hợp tác xã và Công ty TNHH ca cao Trọng Đức.

- Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, đào tạo; thực hiện nghiêm các quy trình kỹ thuật trong sản xuất nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

- Đăng ký diện tích trồng mới và cải tạo hàng năm với hợp tác xã và Công ty TNHH ca cao Trọng Đức.

- Bán tất cả sản phẩm cho Công ty TNHH ca cao Trọng Đức thông qua hợp tác xã theo hợp đồng đã ký giữa các bên.

- Cùng hợp tác xã, Công ty TNHH ca cao Trọng Đức, ngân hàng thương mại ký kết hợp đồng vay vốn cho trồng mới, cải tạo, thâm canh vườn ca cao và có trách nhiệm sử dụng vốn đúng mục đích, thanh toán đúng hạn.

b) Đối với vùng ngoài Dự án cánh đồng lớn:

- Trực tiếp hoặc thông qua các hợp tác xã thuộc/không thuộc Dự án ký hợp đồng bán sản phẩm ca cao cho Công ty TNHH ca cao Trọng Đức và tuân thủ nghiêm các điều, khoản của hợp đồng.

- Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, đào tạo; thực hiện nghiêm các quy trình kỹ thuật trong sản xuất nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm do Công ty TNHH ca cao Trọng Đức, cơ quan khuyến nông tổ chức, hướng dẫn.

- Từng bước triển khai quy trình trồng, chăm sóc, thu hoạch ca cao theo tiêu chuẩn UTZ và đặt mục tiêu gia tăng diện tích đạt tiêu chuẩn UTZ qua từng năm.

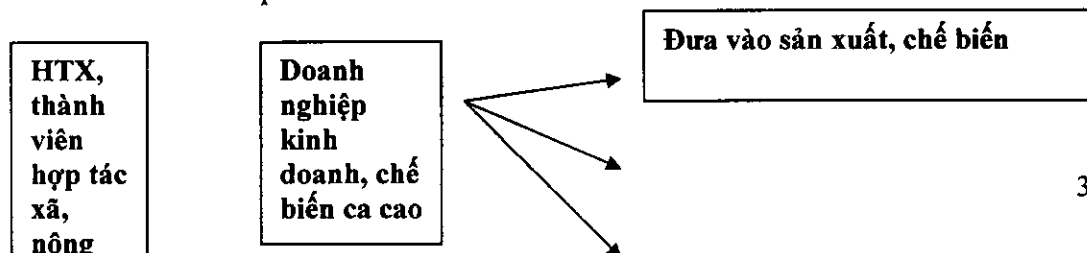
4. Phương thức liên kết, cơ chế hoạt động của mô hình

4.1- Phương thức liên kết:

Liên kết trên cơ sở tự nguyện, bảo đảm lợi ích chung và cam kết thực hiện theo các biên bản, thỏa thuận hoặc hợp đồng ký kết. Trong hợp đồng được ký kết giữa các bên có điều khoản quy định rõ ràng về chia sẻ lợi ích và rủi ro đối với sự biến đổi giá cả hàng hóa trên thị trường, các điều khoản xử lý về vi phạm hợp đồng. Giám đốc hợp tác xã là người thay mặt thành viên hợp tác xã ký kết hợp đồng với doanh nghiệp. Khi xảy ra tranh chấp về hợp đồng các bên có quyền khiếu kiện với các cơ quan chức năng để được giải quyết theo đúng quy định hiện hành.

4.2- Cơ chế hoạt động của mô hình:

Có thể khái quát mô hình như sau:





Các doanh nghiệp, cơ sở khác

Xuất khẩu

Hoạt động của mô hình doanh nghiệp – hợp tác xã – thành viên hợp tác xã, nông dân:

a) Chuẩn bị ký kết hợp đồng:

- Hợp tác xã tổ chức họp lấy ý kiến thành viên, nông dân tham gia mô hình thí điểm và thoả thuận thống nhất với thành viên hợp tác xã, nông dân về số lượng, chủng loại giống, phân bón, phẩm cấp, giá cả, thời gian cung ứng, phương thức thanh toán với doanh nghiệp cung ứng phân bón; thống nhất cách tính toán giá cả (theo giá sàn hay giá bình quân của thị trường tại thời điểm thu hoạch), phương thức thanh toán, phương thức giao, nhận ca cao, thời gian, địa điểm giao ca cao cho doanh nghiệp thu mua, dự kiến số lượng ca cao tiêu thụ.... (các nội dung trên phải được ghi vào biên bản cuộc họp) và đại diện cho thành viên hợp tác xã, nông dân ký kết hợp đồng với doanh nghiệp kinh doanh, chế biến ca cao.

- Doanh nghiệp ký kết hợp đồng với hợp tác xã.

Hợp đồng phải thể hiện ý chí của các bên trên tinh thần các bên cùng có lợi và cùng chia sẻ rủi ro. Trong hợp đồng cần nêu rõ các điều, khoản thoả thuận (số lượng, quy cách, thời hạn giao hàng, phương thức giao hàng, cách tính toán giá cả, phương thức giao nhận hàng hóa...) và trách nhiệm của các bên khi vi phạm hợp đồng, thể hiện các cách xử lý cụ thể khi một bên vi phạm hợp đồng (hoà giải, khởi kiện....)

- Các thành viên hợp tác xã, nông dân đã ủy quyền cho hợp tác xã phải cam kết thực hiện hợp đồng mà hợp tác xã đã ký kết với doanh nghiệp, cung ứng sản phẩm cho doanh nghiệp theo đúng thời gian và quy cách, không bán sản phẩm cho đối tượng ngoài hợp đồng.

b) Trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Các bên thường xuyên theo dõi, đôn đốc về trách nhiệm của từng bên trong quá trình thực hiện hợp đồng, cụ thể:

- Hợp tác xã và thành viên hợp tác xã, nông dân phải liên hệ chặt chẽ với nhau để nắm thông tin về quá trình hoạt động sản xuất, tiến độ sản xuất theo kế hoạch, dự ước sản lượng thu hoạch vào thời điểm trước khi thu hoạch 10 - 15 ngày và báo cáo sơ bộ cho doanh nghiệp biết để doanh nghiệp chủ động kế hoạch kinh doanh. Trong vòng 3-5 ngày trước khi thu hoạch, hai bên (doanh nghiệp và hợp tác xã) xác định thông tin về sản lượng, chất lượng, kế hoạch thu hoạch và dự báo/ thống nhất giá cả.

- Doanh nghiệp cung ứng vật tư nông nghiệp phải cung ứng đầy đủ số lượng, chủng loại phân bón đã cam kết trong hợp đồng, mọi sự thay đổi, những khó khăn trong hoạt động cung ứng phân bón phải kịp thời thông báo cho hợp tác xã để thống nhất điều chỉnh ngay, đảm bảo phân bón cung ứng cho nông dân kịp thời, đúng thời điểm. Doanh nghiệp thu mua buộc phải tiêu thụ hết lượng hàng của hợp tác xã với giá cả đã thống nhất (giá sàn/giá thỏa thuận), ngược lại, hợp tác xã phải giao hàng theo đúng số lượng, thời gian đã xác định, không được tự tiện bán hàng cho người khác.

- Trường hợp hai bên (hoặc một vài thành viên hợp tác xã) không thống nhất được giá, hai bên phải có sự thương lượng trên cơ sở chia sẻ rủi ro, hài hoà lợi ích. Trong những lúc khan hiếm hàng, một số doanh nghiệp/ thương lái khác tăng giá mua để đủ lượng cho lô hàng của mình, HTX, thành viên hợp tác xã cần hết sức cảnh giác với kiểu kinh doanh “để làm khó bỏ”, những trường hợp kinh doanh kiểu “chộp giật”, cạnh tranh không lành mạnh, chỉ mua một vài lô hàng rồi sau đó bỏ ngang... gây ảnh hưởng đến hợp đồng liên kết đã được ký kết.

c) Thanh lý hợp đồng.

- Sau khi kết thúc phải tiến hành thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật về hợp đồng kinh tế.

- Bản thanh lý hợp đồng phải thể hiện nội dung: xác nhận việc thực hiện các điều khoản đã ký kết, những tồn tại cần tiếp tục giải quyết; nếu các bên có vi phạm hợp đồng thì nêu cụ thể đối tượng vi phạm, hướng giải quyết, việc chấp hành biên bản hòa giải, quyết định của tòa án...

PHẦN III

GIẢI PHÁP HỖ TRỢ THỰC HIỆN DỰ ÁN MÔ HÌNH THÍ ĐIỂM DOANH NGHIỆP - HỢP TÁC XÃ – NÔNG DÂN TIÊU THỤ CA CAO VÀ CUNG ỨNG VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP

I. Nhóm giải pháp về quy hoạch phát triển sản xuất ca cao và định hướng phát triển thương mại trên địa bàn tỉnh

1. Về quy hoạch phát triển sản xuất ca cao

Theo Quyết định số 1209/QĐ-UBND ngày 17/5/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Chương trình phát triển cây ca cao trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011-2015, đến cuối năm 2015, tổng diện tích cây ca cao trên địa bàn tỉnh phải đạt khoảng 4.000 ha (trong đó, trồng mới 3.240 ha, diện tích trồng trước 2011 là 800 ha). Qua số liệu tổng hợp từ các địa phương, đến cuối năm 2015 toàn tỉnh chỉ có 490 ha diện tích trồng cây ca cao, như vậy không đạt mục tiêu đã đề ra, nguyên nhân đã được nêu tại phần I của Dự án. Giai đoạn sau năm 2015, tỉnh chưa có quy hoạch, chương trình phát triển riêng đối với loại cây trồng này. Tuy nhiên, tại Quyết định số 4227/QĐ-UBND, ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh về phê duyệt quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp tỉnh

Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, theo đó, quy hoạch cánh đồng lớn phục vụ chuỗi liên kết đối với 03 nhóm cây trồng (Cây ngắn ngày; cây công nghiệp lâu năm; cây ăn quả lâu năm) với 19 loại cây trồng trên tổng diện tích 159.783 ha, chiếm 57,55% so với tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, trong đó quy hoạch vùng sản xuất ca cao với diện tích 830 ha, tại các địa phương: Thống Nhất 200 ha (xã Hưng Lộc, Bàu Hàm 2, Quang Trung, Gia Tân 1); huyện Định Quán 330ha (xã Thanh Sơn, La Ngà, Túc Trưng, Phú Túc, TT Định Quán, Gia Canh, Phú Lợi, Phú Hòa); huyện Tân Phú 300 ha (xã Phú Thịnh, Tà Lài, Nam Cát Tiên, Thanh Sơn, Phú Sơn, Phú An). Tại các Quyết định số 4612/QĐ-UBND ngày 30/12/2016, số 493/QĐ-UBND ngày 20/02/2017, UBND tỉnh Đồng Nai đã phê duyệt Dự án cánh đồng lớn cây ca cao tại thị xã Long Khánh với diện tích 200 ha (xã Bảo Quang, Bảo Lộc, Hàng Gòn), tại huyện Trảng Bom với diện tích 1.000 ha (xã An Viễn).

Với các địa phương còn lại bao gồm: Vĩnh Cửu, Xuân Lộc chưa được quy hoạch vùng triển khai dự án cánh đồng lớn, tuy nhiên với diện tích trồng cây ca cao hiện có đến cuối năm 2017 của các địa phương này là 25,1 ha, dự kiến đến năm 2020 định hướng đến năm 2030 diện tích trồng ca cao có thể đạt khoảng 40 ha trên cơ sở định hướng phát triển của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Quyết định số 2015/QĐ-BNN-PTNT ngày 23/8/2012 (năm 2015: 33.500 ha năm 2020: 50.000 ha) và dự báo tính khả thi của các chính sách liên quan đến nông nghiệp - nông thôn mà Chính phủ vừa ban hành trong năm 2018, trong đó: Xuân Lộc: 36 ha; Vĩnh Cửu: 4 ha.

Để thực hiện đạt mục tiêu phát triển cây ca cao trong thời gian tới, các giải pháp cần được tập trung triển khai bao gồm:

- Tạo điều kiện thuận lợi để chủ dự án cánh đồng lớn mở rộng diện tích trồng ca cao theo Dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt;

- Xây dựng, ban hành bộ thủ tục cấp phát, giải ngân, thanh quyết toán đối với khoản kinh phí được hỗ trợ nhằm triển khai các dự án cánh đồng lớn nói chung, cánh đồng lớn ca cao nói riêng. Hướng dẫn chủ dự án cánh đồng lớn thực hiện để sớm được giải ngân các khoản hỗ trợ từ ngân sách, đây là một trong số những vướng mắc, khó khăn của chủ dự án có liên quan đến các cơ quan chức năng của tỉnh trong quá trình thực hiện và đã được kết luận tại hội nghị đánh giá 5 năm triển khai QĐ 62/2013/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh;

- Các địa phương liên quan chủ trì phối hợp với ngành nông nghiệp quy hoạch vùng có đủ điều kiện phát triển cây ca cao, xây dựng kế hoạch phát triển trên địa bàn huyện/thị và tổ chức thực hiện.

2. Về định hướng phát triển thương mại trên địa bàn tỉnh

Theo quy hoạch phát triển ngành thương mại tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 định hướng đến năm 2025, một số định hướng phát triển thương mại trên địa bàn tỉnh như sau:

2.1- Định hướng chung:

Tạo điều kiện để các doanh nghiệp phát triển hệ thống phân phối đồng bộ từ khâu tổ chức nguồn hàng cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu, tổ chức lưu thông và cung cấp các dịch vụ logistics, dịch vụ bán hàng thuộc các lĩnh vực, ngành hàng quan trọng trong nền kinh tế; Tạo điều kiện để các doanh nghiệp, hợp tác xã (HTX) và các hộ kinh doanh liên kết, hợp tác kinh doanh phát triển thị trường, xây dựng hệ thống đại lý bán hàng, xây dựng mạng lưới cửa hàng nhượng quyền thương mại. Ưu tiên sử dụng công cụ kinh tế trong hoạt động quản lý nhà nước; thực hiện tuyên truyền, giáo dục để thương nhân thực hiện tốt các chính sách của Nhà nước về phát triển thị trường, ổn định giá cả trong nền kinh tế.

Đẩy mạnh hoạt động xuất - nhập khẩu hàng hóa theo hướng vừa xúc tiến thương mại khai thác các thị trường có nhu cầu lớn về các loại nông sản, hàng hóa phù hợp với đặc điểm, điều kiện sản xuất của tỉnh như Hoa Kỳ, Nhật, EU, Hàn Quốc, Đài Loan, Ấn Độ; duy trì các hoạt động xúc tiến thương mại tại các thị trường truyền thống như Campuchia, Lào, Trung Quốc... vừa nâng cao hiệu quả xuất - nhập khẩu phù hợp với mục tiêu phát triển nhanh, bền vững. Hạn chế khai thác ô ạt các nguồn tài nguyên thiên nhiên cũng như các hoạt động chế biến gây ô nhiễm môi trường. Khuyến khích và tạo điều kiện phát triển nhanh các mặt hàng xuất khẩu thân thiện với môi trường. Khuyến khích nhập khẩu các công nghệ phục vụ cho quá trình phát triển các ngành công nghiệp nhóm B, các ngành công nghiệp phụ trợ.

Phát triển các phương thức và hình thức tổ chức kinh doanh đa dạng phù hợp với quá trình phát triển sản xuất trong thời kỳ công nghiệp hóa, có đủ năng lực gia tăng giá trị thương mại cho sản phẩm, có khả năng gắn kết và thúc đẩy phát triển các kênh phân phối truyền thống có quy mô nhỏ, nhất là các kênh phân phối truyền thống tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Hình thành các khu thương mại tập trung gắn với quy hoạch phát triển các khu dân cư tập trung, trung tâm đô thị, trung tâm công nghiệp với nhiều cấp độ khác nhau (liên vùng, vùng và của các tiểu vùng).

Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử, trong đó chú trọng việc hướng dẫn thực thi các quy định về việc phát triển, ứng dụng và quản lý hoạt động thương mại điện tử (theo Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/05/2013 về thương mại điện tử), đề xuất hoàn thiện khung pháp lý nhằm tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp khuyến khích người tiêu dùng mua bán trực tuyến. Đảm bảo an toàn thông tin trong giao dịch thương mại điện tử.

Tăng cường nghiên cứu áp dụng các biện pháp tự vệ để bảo vệ quyền lợi chính đáng của các nhà sản xuất trên địa bàn, phù hợp với các nguyên tắc của thương mại quốc tế; đồng thời, khai thác hiệu quả các chương trình hợp tác kinh tế, thương mại với các nước ASEAN, Trung Quốc... Phát triển đa dạng các hoạt động hỗ trợ; Xây dựng hệ thống cung cấp thông tin, dự báo thị trường cho thương mại; chủ động phối hợp với các cơ quan thương vụ Việt Nam ở nước ngoài; Phát triển hoạt động xúc tiến thương mại; xây dựng các hoạt động xúc tiến thương mại gắn với phát triển thị trường mục tiêu, thị trường trọng điểm và

thị trường cho ngành hàng có lợi thế của tỉnh; Nâng cao vai trò của các hiệp hội, làng nghề và các tổ chức xã hội, nghề nghiệp khác trong việc hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng thương hiệu và mở rộng thị trường tiêu thụ.

2.2- Đối với nông sản nói chung, ca cao nói riêng:

+ Tại những vùng sản xuất nông sản hàng hóa tập trung, hình thành các kênh tiêu thụ cấp độ lớn với sự tham gia của các doanh nghiệp nông cốt (doanh nghiệp thương mại có vốn nhà nước); doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thương mại, hộ kinh doanh, hệ thống đại lý, chợ đầu mối nông sản cấp tỉnh.

+ Tại những vùng sản xuất nông sản hàng hóa chưa phát triển, phân tán, tạo lập kênh lưu thông ở cấp độ vừa và nhỏ, phù hợp cung cầu thị trường; với sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã thương mại, hộ kinh doanh... Hàng nông sản được tiêu thụ chủ yếu thông qua mạng lưới chợ, cửa hàng tiện lợi, cửa hàng chuyên doanh tại các thị trấn, thị tứ; chợ dân sinh và cửa hàng tạp hóa ở địa bàn xã.

+ Tại các vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, trong đó có cây ca cao, xây dựng mối liên kết kinh tế bền vững giữa hộ nông dân, hợp tác xã nông nghiệp - thương mại - dịch vụ với doanh nghiệp sản xuất, chế biến, vừa đảm bảo đầu ra ổn định cho nông dân, vừa đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định, chất lượng cho hoạt động sản xuất, chế biến của doanh nghiệp.

II. Nhóm giải pháp xây dựng các hình thức hợp tác, liên doanh liên kết

1. Nâng cao vai trò của kinh tế hợp tác. Cùng cố, thành lập mới tổ hợp tác, hợp tác xã tại các vùng sản xuất ca cao tập trung (ngoài vùng dự án cánh đồng lớn đã được duyệt). Song song với công tác củng cố, thành lập mới cần tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về hợp tác xã, nâng cao nhận thức và tư duy về phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã cho cán bộ chính quyền các cấp trên cơ sở đó nâng cao vai trò, trách nhiệm của các ngành, của địa phương trong nhiệm vụ phát triển kinh tế hợp tác.

2. Xây dựng, tổng kết, nhân rộng các mô hình tổ hợp tác, hợp tác xã ca cao hoạt động hiệu quả từ các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị đã triển khai, các điển hình tiên tiến gắn với các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn... để nông dân nhận thức được lợi ích, hiệu quả của kinh tế hợp tác mà tự nguyện, tự giác tham gia.

3. Xây dựng các kế hoạch để đào tạo các thành phần trong chuỗi sản xuất ca cao, trong đó có nông dân, các tổ hợp tác, hợp tác xã kiến thức và kỹ năng về sản xuất và quản lý sản xuất ca cao, về công nghệ thu hoạch, chế biến, về thu nhận, phân tích thông tin thị trường để có giải pháp, định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh đối với ngành hàng này.

4. Các doanh nghiệp kinh doanh, chế biến ca cao phải am hiểu và có khả năng tư vấn cho người sản xuất (nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã) về quy trình sản xuất, nhu cầu sản lượng, yêu cầu chất lượng sản phẩm, có khả năng tập huấn cho người sản xuất, tập hợp họ để họ trở thành thành viên trong thành phần sản xuất của công ty mình, từ đó sẽ hình thành được vùng nguyên liệu ổn định và tin cậy của doanh nghiệp. Gắn kết chặt chẽ với các hợp tác xã để triển khai có hiệu quả các hoạt động của chuỗi.

5. Từng chủ thể tham gia chuỗi liên kết phải xác định rõ trách nhiệm của mình trong dự án, phải tuân thủ nghiêm các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng liên kết, cùng chia sẻ các rủi ro phát sinh, không tự ý phá vỡ hợp đồng gây tổn thất không đáng có.

6. Các ngành chức năng, các cơ quan liên quan trong phạm vi chức năng của mình tích cực hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể trong quá trình triển khai dự án như thành lập mới hợp tác xã, đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ hợp tác xã, cán bộ quản lý doanh nghiệp, giải ngân kinh phí hỗ trợ, vay vốn sản xuất, đầu tư cơ sở hạ tầng, xúc tiến thương mại, công tác khuyến nông....

III. Nhóm giải pháp về chính sách khuyến khích, hỗ trợ đối với chủ thể tham gia mô hình thí điểm

1. Thông tin đầy đủ, kịp thời các chính sách hỗ trợ của trung ương, của tỉnh đến doanh nghiệp để doanh nghiệp có định hướng trong việc đầu tư đổi mới, cải tiến công nghệ, thiết bị chế biến gắn với việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quản lý chất lượng sản phẩm, đáp ứng được yêu cầu của thị trường nước ngoài cho doanh nghiệp trực tiếp chế biến sản phẩm từ ca cao để xuất khẩu. Nghiên cứu nâng cao chất lượng giống cây ca cao nhằm tăng năng suất, nâng cao chất lượng trái cao, giảm sâu bệnh từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh đối với ngành hàng này.

2. Tạo điều kiện để các doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân tham gia mô hình thí điểm được tiếp cận và thụ hưởng kịp thời các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của trung ương và của tỉnh về đầu tư, về tổ chức sản xuất, bảo quản, thu hoạch, về xúc tiến thương mại, về xây dựng, quảng bá thương hiệu, về tín dụng và bảo lãnh tín dụng phục vụ sản xuất, chế biến, thu mua, tiêu thụ...

Để thực hiện được nhiệm vụ này rất cần sự vào cuộc quyết liệt của các ngành, các địa phương thông qua việc đơn giản hóa các thủ tục hành chính liên quan đến từng lĩnh vực, từng ngành, việc tích cực gỡ gỡ, đối thoại với các chủ thể trong mô hình để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc....

3. Khen thưởng, động viên kịp thời các chủ thể đã nghiêm túc, tích cực trong quá trình triển khai mô hình và có đúc kết, rút kinh nghiệm đồng thời tổ chức báo cáo điển hình cho các mô hình khác trên địa bàn sau khi mô hình được nhân rộng.

IV. Nhóm giải pháp về xúc tiến thương mại

1. Ngân sách tỉnh và các địa phương tiếp tục hỗ trợ kinh phí để các chủ thể tham gia mô hình được tham gia các buổi hội thảo, hội nghị chuyên đề về ca cao để trao đổi, cập nhật thông tin về hoạt động sản xuất chế biến ca cao trong tỉnh, trong nước, thế giới..từ đó có định hướng cho hoạt động trồng, sản xuất, chế biến ca cao; tham gia các hội chợ, triển lãm trong tỉnh, trong vùng và TP. Hồ Chí Minh nhằm giới thiệu sản phẩm và tìm kiếm thêm các nhà đầu tư, nhà tiêu thụ.

2. Tăng cường hoạt động của hệ thống thông tin nông nghiệp để cung cấp các thông tin về thị trường ca cao thế giới (ca cao nguyên liệu, sản phẩm từ ca cao), công nghệ sản xuất...cùng các dự báo đáng tin cậy để doanh nghiệp tra cứu, tham khảo...

V. Nhóm giải pháp về bồi dưỡng, đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của hợp tác xã, tổ hợp tác, nhóm liên kết... tham gia mô hình thí điểm.

1. Triển khai công tác tổ chức khảo sát, điều tra thực trạng trình độ đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật và lao động tại các hợp tác xã tham gia mô hình thí điểm qua đó phân tích, đánh giá và có kế hoạch cụ thể về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ hoạt động phát triển sản xuất ca cao -xuất khẩu sản phẩm từ ca cao trong thời gian tới.

2. Mở các lớp bồi dưỡng cho các cán bộ kỹ thuật chuyên trách của hợp tác xã về kỹ thuật canh tác, quy trình sản xuất ca cao an toàn, các lớp tập huấn về sử dụng an toàn, đúng và có hiệu quả các loại thuốc bảo vệ thực vật, quản lý dịch hại tổng hợp; quy trình sơ chế và bảo quản ca cao an toàn; các kiến thức về quan hệ giao kết hợp đồng, tiếp nhận và xử lý thông tin về thị trường, giá cả, cung cầu,...

VI. Các giải pháp khác

1. Chính quyền các cấp cần thực sự quan tâm đúng mức đối với công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể; nâng cao tính chủ động, sáng tạo của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành trong công tác tham mưu cho lãnh đạo triển khai đầy đủ các nhiệm vụ quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, song song với việc thường xuyên nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp.

2. Xây dựng và công khai bộ thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động cấp phát, quyết toán kinh phí thuộc Dự án để các chủ thể tham gia Dự án sớm được giải ngân, giải quyết một phần khó khăn về vốn thực hiện Dự án.

3. Hướng dẫn, hỗ trợ chủ Dự án xây dựng, quảng bá thương hiệu ca cao thông qua việc tổ chức các hội nghị, tổ chức đoàn ra, tiếp đón đoàn vào làm việc với tỉnh. Về phía chủ Dự án phải không ngừng nghiên cứu cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm chế biến từ ca cao, tạo sự khác biệt, riêng có của ca cao Việt Nam để có thể tiếp cận và thu hút được sự quan tâm của nhiều đối tượng tiêu dùng trên thế giới.

VII. Đánh giá tính khả thi và hiệu quả của Dự án mô hình

1. Về kinh tế

Ca cao với đặc điểm là loại cây có thể trồng xen canh với một số loại cây khác, do đó, cây ca cao đã giúp người nông dân tăng thêm thu nhập ngoài thu nhập từ cây trồng chính, đồng thời góp phần gia tăng hiệu quả sử dụng đất.

Về phía doanh nghiệp, Dự án giúp doanh nghiệp đảm bảo ổn định nguồn nguyên liệu, đảm bảo chất lượng nguyên liệu phục vụ hoạt động sản xuất, chế biến và tiêu thụ, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, ngân sách nhà nước có nguồn thu. Hợp tác xã vừa đại diện nông dân ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm với doanh nghiệp tiêu thụ, vừa ký hợp đồng với doanh nghiệp cung ứng vật tư nông nghiệp đã thúc đẩy phát triển sản xuất đồng thời tạo công ăn việc làm ổn định, gia tăng thu nhập cho các thành viên hợp tác xã.

2. Về xã hội

Dự án góp phần giải quyết việc làm cho bà con nông dân trong lúc nông nhàn, có thêm thu nhập, người dân nhận thức được hiệu quả của việc gia nhập hợp tác xã, từ đó nâng cao vai trò, vị trí của hợp tác xã, thúc đẩy kinh tế tập thể phát triển. Bên cạnh đó, đây là Dự án chế biến sâu các sản phẩm từ ca cao do đó cũng đã góp phần vào việc tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương.

3. Về môi trường

Việc triển khai Dự án mô hình đối với cây ca cao trồng xen cây điều làm tăng tỷ lệ độ che phủ cây xanh trên địa bàn tỉnh qua đó góp phần tích cực vào công tác bảo vệ môi trường.

PHẦN IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Kế hoạch và tiến độ thực hiện Dự án

1. Xây dựng Dự án:

Từ tháng 4/2018 đến tháng 11/2018 xây dựng và hoàn thành Dự thảo Dự án.

2. Tiến độ thực hiện Dự án:

STT	Nội dung thực hiện	Tiến độ thực hiện	Ghi chú
1	Học tập kinh nghiệm, khảo sát thực tế, nghiên cứu lựa chọn mặt hàng và chủ thể tham gia mô hình thí điểm, xây dựng nội dung và dự toán kinh phí thực hiện Dự án	Tháng 4-5/2018	
2	Dự thảo, lấy ý kiến, trình phê duyệt Đề cương Đề án	Tháng 5-6/2018	
3	Tổ chức lấy ý kiến liên quan dự thảo	Tháng 7-11/2018	

	Dự án		
4	Chỉnh sửa, thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt Dự án	Tháng 12/2018	
5	Tổ chức thực hiện Dự án	Năm 2019	
6	Sơ kết, đánh giá tác động kinh tế, xã hội của việc thực hiện Dự án	Năm 2020	

II. Phân công thực hiện:

Nhằm thực hiện Dự án đạt kết quả, đề nghị các sở, ngành, địa phương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị phối hợp cùng Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Đồng chủ trì và phối hợp với các sở, ngành có liên quan, các địa phương triển khai thực hiện dự án. Cụ thể:

1.1- Sở Công Thương:

- Phối hợp các địa phương hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã ký kết, thực hiện hợp đồng tiêu thụ ca cao. Kiểm tra, giám sát và đôn đốc việc thực hiện các hợp đồng đã ký. Tham gia hòa giải, đề xuất các hướng xử lý khi có vi phạm các điều khoản hợp đồng đã ký kết.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Liên minh HTX tỉnh hướng dẫn triển khai các hoạt động hỗ trợ tiêu thụ nông sản theo hợp đồng và xây dựng chế tài xử lý vi phạm hợp đồng phù hợp với quy định của Luật Thương mại;

- Hỗ trợ các địa phương trong vùng Dự án xây dựng hệ thống điện phục vụ sản xuất; đầu tư, nâng cấp hệ thống điện hiện có (đường dây, trạm biến áp) đủ công suất đáp ứng nhu cầu sản xuất.

- Cung cấp thông tin dự báo về thị trường cho người sản xuất; phối hợp với các tỉnh, thành phố hình thành các mối liên kết, liên doanh về mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm từ ca cao và cung ứng vật tư nông nghiệp.

- Triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm từ ca cao thông qua chương trình xúc tiến thương mại quốc gia, chương trình khuyến công quốc gia, chương trình xúc tiến thương mại, chương trình khuyến công của tỉnh.

- Triển khai, sơ kết, tổng kết Dự án mô hình đúng nội dung và tiến độ, tổng hợp báo cáo tình hình và đề xuất bổ sung, sửa đổi Dự án phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương.

1.2- Sở Nông Nghiệp & Phát triển nông thôn:

- Triển khai các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của Sở tại Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 13/4/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về phê duyệt Dự án cánh đồng lớn hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ ca cao trên địa bàn huyện Thống Nhất, Định Quán và Tân Phú tỉnh Đồng Nai.

- Hỗ trợ công tác tập huấn, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật về sản xuất, thu hoạch và bảo quản ca cao; phối hợp tuyên truyền các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới về công nghệ sản xuất ca cao. Nghiên cứu đưa vào áp dụng các biện pháp tăng sản lượng, chất lượng và giảm giá thành sản phẩm ca cao.

- Khuyến cáo cách sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật hợp lý, đúng cách trên cây ca cao nhằm tăng diện tích ca cao đạt chuẩn UTZ; kiểm tra giám sát việc kinh doanh buôn bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, giống ca cao. Công bố những loại phân bón kém chất lượng, thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng và hạn chế sử dụng để người nông dân được biết. Dự báo phát hiện tình hình sâu bệnh hại và hướng dẫn cách phòng ngừa, xử lý đạt hiệu quả, an toàn, đảm bảo chất lượng trái ca cao.

- Tổ chức các hội thảo để nông dân tiếp xúc trực tiếp với các doanh nghiệp, qua đó tạo cơ hội cho nông dân tiêu thụ nông sản với giá hợp lý. Mở các lớp huấn luyện cho nông dân sản xuất ca cao các kiến thức về hợp đồng kinh tế với doanh nghiệp, việc tuân thủ các điều kiện trong hợp đồng đã ký kết.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch & Đầu tư, Sở Tài chính triển khai các chính sách hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng và các hỗ trợ khác cho các vùng Dự án.

2. Hội Nông dân tỉnh

- Phối hợp tuyên truyền, phổ biến cơ chế chính sách và pháp luật của Nhà nước về thương mại để các chủ thể sản xuất kinh doanh, nhất là nông dân hiểu rõ và thực hiện. Khen thưởng và động viên kịp thời đối với các chủ thể có nhiều thành tích trong quá trình triển khai Dự án.

- Chỉ đạo các đơn vị Hội Nông dân các huyện, xã trực tiếp phối hợp tuyên truyền cho nông dân về vai trò, lợi ích của việc liên kết tiêu thụ ca cao theo Dự án mô hình Doanh nghiệp – Hợp tác xã – Nông dân tiêu thụ ca cao và cung ứng vật tư nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương vận động các nông hộ tham gia Dự án để có thể đạt diện tích chăm sóc 830 ha vào năm 2020, đồng thời hướng dẫn nông dân liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp, gắn kết lợi ích giữa doanh nghiệp với hợp tác xã, nông dân sản xuất ca cao thông qua các hợp đồng liên kết để đảm bảo tiêu thụ ca cao ổn định và lâu dài.

- Tham gia giám sát thực hiện dự án, bảo vệ quyền lợi chính đáng hợp pháp của nông dân; phối hợp trực tiếp chuyển giao khoa học kỹ thuật bằng nguồn kinh phí dự án và lồng ghép từ các nguồn kinh phí khác. Phối hợp với các cơ quan trong việc thực hiện hòa giải khi xảy ra tranh chấp về hợp đồng.

3. Liên minh Hợp tác xã tỉnh

- Phối hợp vận động thành lập mới hợp tác xã, củng cố các hợp tác xã hiện có theo hướng đa dạng vừa sản xuất, vừa cung cấp dịch vụ phục vụ nông nghiệp, vừa tổ chức tiêu thụ sản phẩm cho thành viên hợp tác xã.

- Thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ quản lý hợp tác xã, chuyên môn cho cán bộ nghiệp vụ, trong đó chú ý nâng cao trình độ tin học cho cán bộ để có thể thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay.

- Phổ biến kịp thời các chủ trương, chính sách của nhà nước liên quan đến hợp tác xã, đặc biệt là chính sách về tín dụng, các chính sách hỗ trợ cho hợp tác xã, phối hợp tháo gỡ khó khăn kịp thời trong quá trình triển khai thực hiện.

- Tổ chức hội nghị tuyên dương các hợp tác xã điển hình, các nhân tố tích cực trong công tác phát triển kinh tế hợp tác và có giải pháp nhân rộng mô hình trong phạm vi toàn tỉnh.

- Chỉ đạo Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã, trên cơ sở nguồn lực của quỹ, nghiên cứu vận dụng có hiệu quả Quyết định số 23/2017/QĐ-TTg ngày 22/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 246/2006/QĐ-TTg ngày 27/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã và ban hành Quy chế hoạt động bảo lãnh tín dụng, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã để giúp các hợp tác xã có thêm nguồn vốn để hoạt động trong điều kiện vốn tự có của các hợp tác xã còn hạn chế; kịp thời báo cáo, đề xuất UBND tỉnh hỗ trợ, bổ sung nguồn lực.

4. Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh Đồng Nai

- Triển khai các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của đơn vị tại Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 13/4/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về phê duyệt Dự án cánh đồng lớn hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ ca cao trên địa bàn huyện Thống Nhất, Định Quán và Tân Phú tỉnh Đồng Nai kể cả các địa phương ngoài vùng Dự án

- Hướng dẫn, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho các ngân hàng thương mại trong quá trình cho các chủ thể vay vốn.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các ngành liên quan triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ thuộc Dự án cánh đồng lớn.

6. Sở Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, sở, ngành liên quan bố trí kinh phí hàng năm từ ngân sách để thực hiện Dự án cánh đồng lớn, triển khai chương trình xúc tiến thương mại, các hoạt động thông tin, tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật...

7. UBND các huyện, thị xã Long Khánh:

7.1- Đối với các huyện Thống nhất, Định Quán, Tân Phú

- Triển khai các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của đơn vị tại Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 13/4/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về phê duyệt Dự án cánh đồng lớn hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ các cao trên địa bàn huyện Thống Nhất, Định Quán và Tân Phú tỉnh Đồng Nai.

- Hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã ký kết, thực hiện hợp đồng tiêu thụ ca cao. Kiểm tra, giám sát và đôn đốc việc thực hiện các hợp đồng đã ký. Tham gia hòa giải, đề xuất xác hướng xử lý khi có vi phạm các điều khoản hợp đồng đã ký kết.

- Phối hợp hỗ trợ tập huấn chuyển giao kỹ thuật sản xuất, công nghệ bảo quản sau thu hoạch nhằm nâng cao chất lượng ca cao;

- Cùng cố và tạo điều kiện cho các hợp tác xã tham gia Dự án hoạt động thông qua việc hỗ trợ cho các HTX về kiến thức quản lý, kiến thức chuyên môn (kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản...), để các hợp tác xã có thể làm tốt chức năng cầu nối với các doanh nghiệp với nông dân trong việc ký kết hợp đồng tiêu thụ ca cao và cung ứng vật tư nông nghiệp.

- Theo dõi và hỗ trợ nông dân trong việc thực hiện dự án, tạo điều kiện cho doanh nghiệp triển khai Dự án, kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh. Phối hợp xử lý tranh chấp giữa các chủ thể tham gia Dự án.

- Phối hợp phổ biến sâu rộng các văn bản pháp luật của Nhà nước liên quan đến việc hình thành các chuỗi liên kết trong hoạt động sản xuất nông nghiệp thông qua hợp đồng, quyền và trách nhiệm của các chủ thể trong quá trình tham gia chuỗi liên kết, đặc biệt là chế tài xử lý khi các chủ thể vi phạm hợp đồng.

7.2- Đối với các địa phương còn lại:

- Phối hợp với Công ty ca cao Trọng Đức tuyên truyền đến người nông dân hiệu quả qua triển khai Dự án cánh đồng lớn ca cao tại 03 huyện: Thống nhất, Định Quán, Tân Phú đồng thời tổ chức cho nông dân được tham quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm với nông dân của vùng Dự án.

- Rà soát diện tích trồng ca cao trên địa bàn, chỉ đạo các ngành liên quan vận động thành lập mới/củng cố hợp tác xã tại vùng sản xuất tập trung, tạo điều kiện, tiền đề cho việc triển khai mô hình.

- Có kế hoạch phát triển diện tích trồng ca cao tại các vườn, nông trại phù hợp trên cơ sở 02 Dự án cánh đồng lớn ca cao đã được phê duyệt trong năm 2016, năm 2017 của Công ty TNHH Đầu tư Phát triển nông nghiệp Nguyên Lộc và Công ty CP Bamboo Capital, hỗ trợ doanh nghiệp triển khai Dự án cánh đồng lớn trên địa bàn.

- Phối hợp hỗ trợ tập huấn chuyển giao kỹ thuật sản xuất, công nghệ bảo quản sau thu hoạch nhằm nâng cao chất lượng ca cao;

- Phối hợp phổ biến sâu rộng các văn bản pháp luật của Nhà nước liên quan đến việc hình thành các chuỗi liên kết trong hoạt động sản xuất nông nghiệp thông qua hợp đồng, quyền và trách nhiệm của các chủ thể trong quá trình tham gia chuỗi liên kết, đặc biệt là chế tài xử lý khi các chủ thể vi phạm hợp đồng.

8. Trách nhiệm của doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân tham gia Dự án mô hình thí điểm.

Đối với từng chủ thể doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân tham gia Dự án cần nhận thức được vai trò, trách nhiệm của mình trong việc đảm bảo thực hiện đạt các mục tiêu Dự án mô hình thí điểm đã đề ra, tuân thủ nghiêm các điều khoản trong hợp đồng đã ký kết, không phá vỡ hợp đồng dù bất kỳ nguyên nhân nào. Các chủ thể tham gia Dự án cần định kỳ thường xuyên họp mặt, trao đổi thẳng thắn những vướng mắc, khó khăn nhằm hạn chế tối đa những xung đột có thể xảy ra do mâu thuẫn về lợi ích; chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm trong sản xuất, kinh doanh tiêu thụ ca cao.

III. KIẾN NGHỊ

1. Đối với Trung ương

1.1- Kiến nghị Chính phủ sớm ban hành Nghị định thay thế Nghị định 151/2007/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác (hiện Dự thảo Nghị định đã được tổ chức hội nghị thông qua) nhằm hỗ trợ, tạo khung pháp lý minh bạch rõ ràng giúp tổ hợp tác và các loại nhóm hợp tác thành lập và phát triển.

1.2- Đề nghị Bộ Công Thương tổ chức tổng kết các mô hình thí điểm đã được Bộ, các tỉnh phê duyệt trong giai đoạn 2012-2017 và đang triển khai thực hiện, trên cơ sở đó nêu ra những mặt được, chưa được của mô hình để rút kinh nghiệm cho các mô hình xây dựng mới trong thời gian tới.

1.3- Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn sớm ban hành thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

1.4- Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn rà soát kết quả thực hiện Quy hoạch phát triển ca cao các tỉnh phía Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 để làm cơ sở cho các địa phương tập trung đề ra các giải pháp cần triển khai thực hiện trên địa bàn nhằm đạt các mục tiêu đã đề ra tại quy hoạch.

1.5- Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư sớm ban hành thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, ngày 17/4/2018 về cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn nhằm tạo điều kiện cho địa phương kêu gọi thu hút đầu tư vào nông nghiệp nông thôn đặc biệt là các dự án nông nghiệp công nghệ cao.

2. Đối với tỉnh Đồng Nai:

Để các chính sách của Nhà nước sớm được triển khai trên địa bàn tỉnh, kiến nghị:

2.1- Hội đồng nhân dân tỉnh:

a) Rà soát, ban hành chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn tại tỉnh Đồng Nai, trong đó quy định chính sách tín dụng tại tỉnh; vốn cấp bù lãi suất hỗ trợ cho các dự án và mức vốn sử dụng ngân sách địa phương để đảm bảo thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định 57/2018/NĐ-CP.

b) Ban hành cơ chế thúc đẩy tập trung đất đai, tạo quỹ đất để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn phù hợp với thẩm quyền và các quy định của pháp luật áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo quy định tại Nghị định 57/2018/NĐ-CP.

2.2- UBND tỉnh Đồng Nai

a) Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn sớm hoàn thành công tác tham mưu xây dựng chính sách, định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông phù hợp với chủ trương, định hướng phát triển của ngành và điều kiện của tỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định tại Nghị định 83/2018/NĐ-CP.

b) Trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về phê duyệt chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

c) Chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tham mưu UBND tỉnh Ban hành quyết định chủ trương đầu tư về danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định 57/2018/NĐ-CP./.
